



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2022

MỤC LỤC

03 CÁC THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

04 THÔNG ĐIỆP TỔNG GIÁM ĐỐC

05 TỔNG QUAN

- 06 Thông tin về doanh nghiệp
- 07 Quá trình hình thành và phát triển
- 08 Mạng lưới hoạt động
- 08 Ngành nghề kinh doanh
- 09 Mô hình quản trị công ty
- 10 Cơ cấu tổ chức quản trị
- 14 Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi
- 14 Các công ty con, công ty liên kết
- 14 Định hướng phát triển
- 15 Các rủi ro

16 BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

- 17 Kinh tế vĩ mô và TTCK Việt Nam
- 18 Kết quả kinh doanh năm 2022
- 19 Tổ chức và nhân sự
- 20 Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
- 21 Các hoạt động của Công ty năm 2022
- 22 Tình hình tài chính
- 23 Cơ cấu cổ đông
- 24 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

25 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

28 ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

30 QUẢN TRỊ CÔNG TY

35 BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2022



CÁC THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

VIS	Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam	GDKQ	Giao dịch ký quỹ
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	MG	Môi giới
HSX	Sở giao dịch Chứng khoán TPHCM	TMCP	Thương Mại Cổ Phần
HNX	Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội	CNTT	Công nghệ thông tin
TTLKCK	Trung tâm lưu ký chứng khoán	MMTB	Máy móc thiết bị
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông	ROE	Tỷ suất sinh lợi trên vốn chủ sở hữu
HĐQT	Hội đồng quản trị	BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
TGD	Tổng Giám Đốc	BHXH	Bảo hiểm xã hội
TTCKVN	Thị trường chứng khoán Việt Nam	BHYT	Bảo hiểm Y Tế



THÔNG DIỆP TỔNG GIÁM ĐỐC

Kính gửi Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, Nhà đầu tư và toàn thể Cán bộ nhân viên!

Năm 2022 kinh tế thế giới phải đối mặt với những thách thức lớn, biến động nhanh, khó lường và tính bất ổn cao; lạm phát tăng lên mức cao nhất trong nhiều thập kỷ buộc các quốc gia phải thắt chặt chính sách tiền tệ. Cạnh tranh chiến lược, địa chính trị giữa các nước lớn, xung đột quân sự giữa Nga và U-crai-na, thời tiết diễn biến bất thường, thiên tai, ngập lụt nghiêm trọng ở nhiều quốc gia, các đợt bùng phát liên tục của dịch Covid-19 tại một số khu vực trên thế giới, áp lực tăng giá năng lượng... đã ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế Việt Nam. Đối với thị trường chứng khoán Việt Nam, lần đầu kể từ giai đoạn 2008 chỉ số Vnindex mất 1/3 giá trị từ vùng 1500 xuống đáy thấp nhất 900 vào tháng 11/2022. Thanh khoản thị trường chứng khoán bình quân trong năm 2022 đạt 17.400 tỷ đồng/phiên, giảm gần 30% so với năm 2021. Quy mô vốn hóa cả 3 sàn đạt 6 triệu tỷ đồng, giảm 22 và đạt 67% GDP năm 2022. Tuy nhiên, Số tài khoản mở mới đạt khoảng 2,5 triệu tài khoản, vượt xa con số các năm trước.

Trước những diễn biến bất lợi của thị trường tài chính và thị trường chứng khoán, VIS đã nỗ lực triển khai hoạt động kinh doanh bám sát với định hướng đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Kết quả năm 2022, hoạt động kinh doanh của Công ty được duy trì ổn định. Đây là một kết quả rất đáng khích lệ khi quy mô thị trường giảm mạnh và nhiều biến động trên thị trường trong suốt năm qua, đặc biệt trong 06 tháng cuối năm. Tổng Doanh thu năm 2022 đạt 105,474 tỷ đồng, tăng 24,4% so với năm 2021 và đạt 32% so với kế hoạch năm 2022. Lợi nhuận trước thuế năm 2022 đạt 40,39 tỷ đồng, tăng 32% so với năm 2021 và đạt 29% so với kế hoạch năm 2022. Chất lượng tài sản tốt, chủ yếu là tài sản sinh lời và có thanh khoản cao. Công ty sử dụng nguồn vốn an toàn, chủ yếu dùng Vốn chủ sở hữu tài trợ cho hoạt động kinh doanh.

Năm 2023, Kinh tế Việt Nam dự báo GDP Việt Nam trong năm 2023 sẽ khả quan với mục tiêu tăng trưởng 6- 6,5%, CPI được kiểm chế dưới 4%. Thị trường chứng khoán kỳ vọng hồi phục từ nền thấp từ cuối năm 2022 và giữ vững sự ổn định tăng trưởng từ 1000 -1200. Thanh khoản chung của thị trường có thể đạt bằng hoặc vượt 5% so với năm 2022. Đây là cơ hội cho các Công ty chứng khoán trong đó có VIS đẩy mạnh hoạt động môi giới chứng khoán mở rộng hoạt động cho vay margin và ứng trước song song đó nâng cao khả năng quản trị rủi ro tín dụng.

Thay mặt Hội đồng quản trị và Ban Điều Hành, tôi xin cảm ơn sự ủng hộ và tin tưởng của Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, Nhà đầu tư và toàn thể Cán bộ nhân viên. Với niềm tin mạnh mẽ vào triển vọng dài hạn của thị trường chứng khoán Việt Nam, Công ty sẽ tiếp tục định hướng hoạt động dựa trên các giá trị cốt lõi của mình và tạo ra giá trị cho cổ đông VIS cũng như Quý Khách hàng và Nhà đầu tư của VIS.

Xin kính chúc Quý vị sức khỏe và thành công!

Tổng Giám Đốc



Dương Kỳ Hiệp





PHẦN 1

TỔNG QUAN

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán

Quốc tế Việt Nam (VIS)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Tế Việt Nam (VIS) được thành lập vào tháng 11/2006 theo Quyết định số 20/UBCK-GPHDKD của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, sửa đổi bổ sung gần nhất theo Quyết định số 31/GPĐC-UBCK cấp ngày 04/04/2022. Cổ đông sáng lập của VIS bao gồm các định chế tài chính và các doanh nhân thành đạt, giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và chứng khoán.



Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tên viết tắt: VIS

Vốn điều lệ tại 31/12/2022: 300.000.000.000 VND

Vốn chủ sở hữu tại 31/12/2022: 371.733.685.018 VND

Trụ sở chính: Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Chi nhánh: Lầu 2, Tòa nhà 194 Nguyễn Công Trứ, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Số điện thoại: (84 24) 710 88848/ (84 28) 710 88848

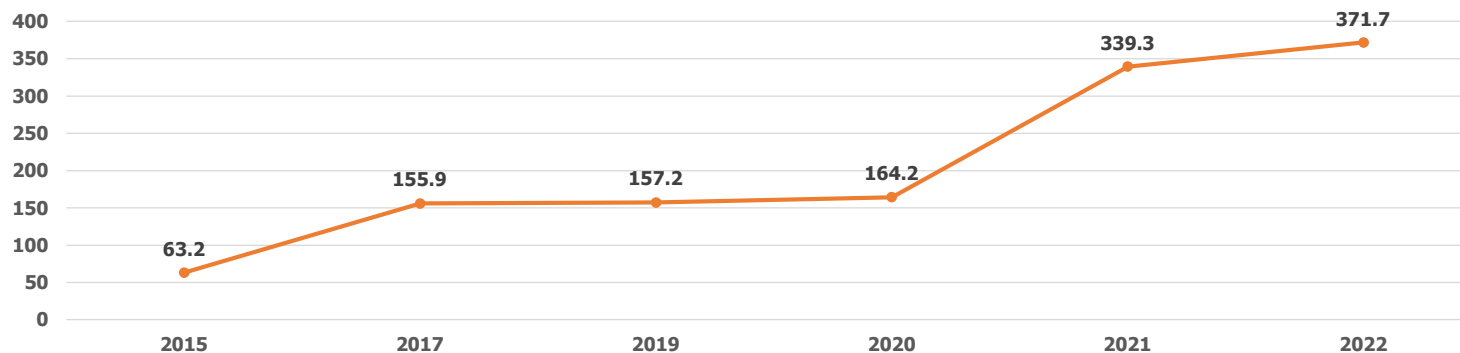
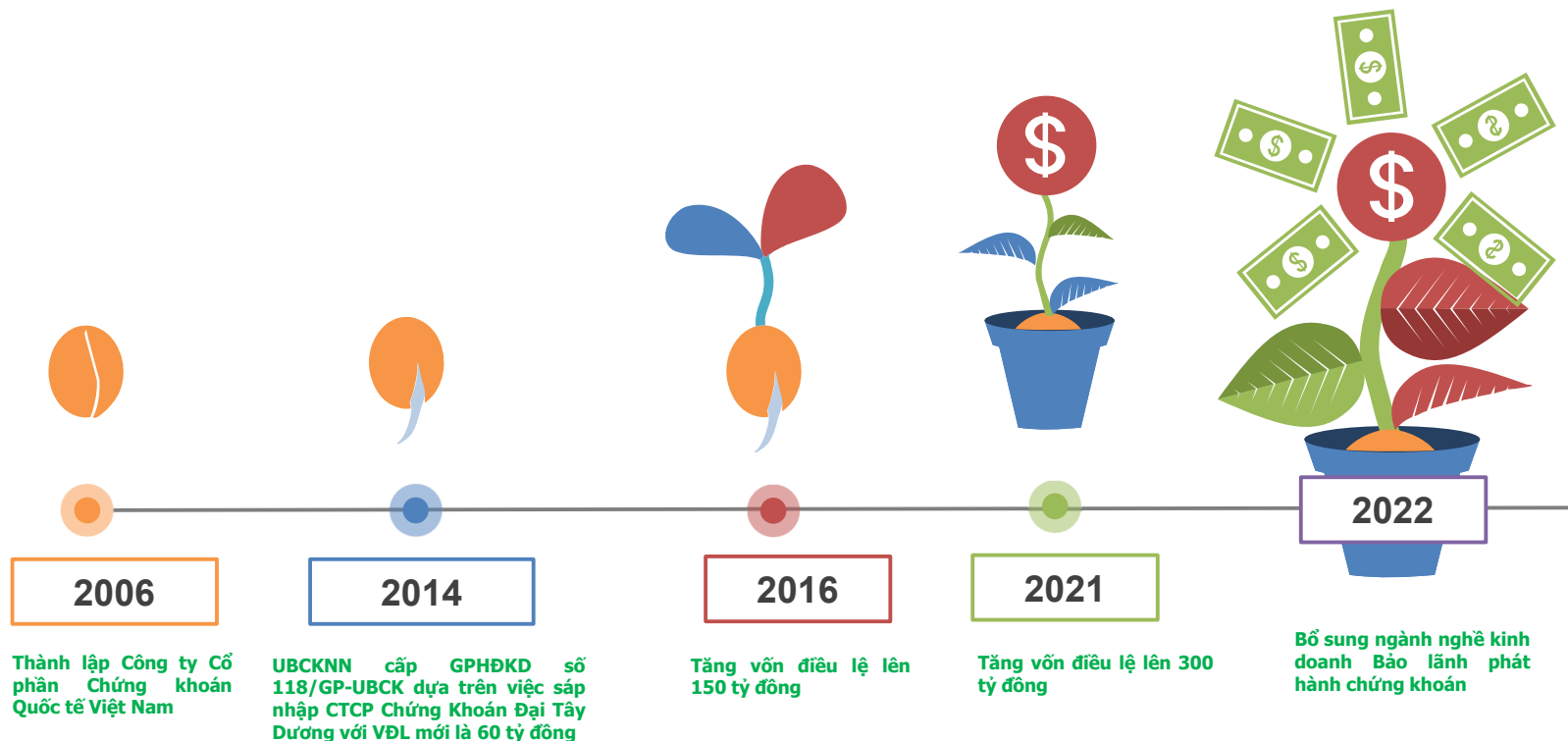
Số fax: (84 24) 3944 5889 / (84 28) 3915 2931

Website: www.vise.com.vn

Ngành nghề:

- ✓ Môi giới chứng khoán;
- ✓ Tự doanh chứng khoán;
- ✓ Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- ✓ Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- ✓ Các nghiệp vụ khác được pháp luật cho phép.

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



Vốn chủ sở hữu tăng từ năm 2015-2022

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG



Trụ sở chính:

Tầng 3, 59 Quang Trung,
Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Chi nhánh:

Lầu 2, Tòa nhà 194 Nguyễn Công Trứ,
quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

Dịch vụ môi giới

- Mở tài khoản giao dịch
- Môi giới: Cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ
- Tư vấn & quản lý tài khoản
- Quản lý giao dịch tiền
- Lưu ký
- Báo giá và quản lý sổ cổ đông cho cổ phiếu OTC
- Đại lý đấu giá IPO
- Phân phối Trái phiếu doanh nghiệp

TƯ VẤN ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

Dịch vụ tài chính

- Giao dịch ký quỹ
- Ứng trước tiền bán

Giao dịch điện tử

- Quản lý đa tài khoản: Quản lý đồng thời nhiều tài khoản trong cùng một phiên mua chứng khoán. Các giao dịch tài chính nộp, rút tiền chứng khoán, chuyển khoản, lô lẻ, kết nối ebanking 24/7,...
- Cập nhật tin tức thời: Tự động cập nhật dữ liệu thị trường, thông tin doanh nghiệp, đồ thị chứng khoán theo thời gian thực. Hệ thống lọc cổ phiếu đa dụng, dễ dàng nắm xu hướng thị trường
- Tất cả trong một: Đa nhiệm với đầy đủ các tính năng đặt lệnh trước, ứng tiền mua chứng khoán. Các giao dịch tài chính nộp, rút tiền chứng khoán, chuyển khoản, lô lẻ, kết nối ebanking 24/7,...

TỰ DOANH CHỨNG KHOÁN

- Cổ phiếu
- Trái phiếu

BẢO LÃNH PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN

Tư vấn huy động vốn trên thị trường vốn trong và ngoài nước

- Tư vấn phát hành (đại chúng & riêng lẻ)
- Bảo lãnh phát hành
- Tư vấn thoái vốn

Tư vấn tài chính doanh nghiệp

- Khảo sát và đánh giá tổng thể tình hình của doanh nghiệp
- Tư vấn phương thức quản trị phù hợp với doanh nghiệp
- Tư vấn tài chính doanh nghiệp, hệ thống quản trị tài chính và hệ thống kiểm soát nội bộ
- Tư vấn quảng bá hình ảnh của doanh nghiệp với công chúng
- Tư vấn hậu tái cấu trúc doanh nghiệp
- Tư vấn phát hành

Tư vấn mua bán & sáp nhập doanh nghiệp (M&A)

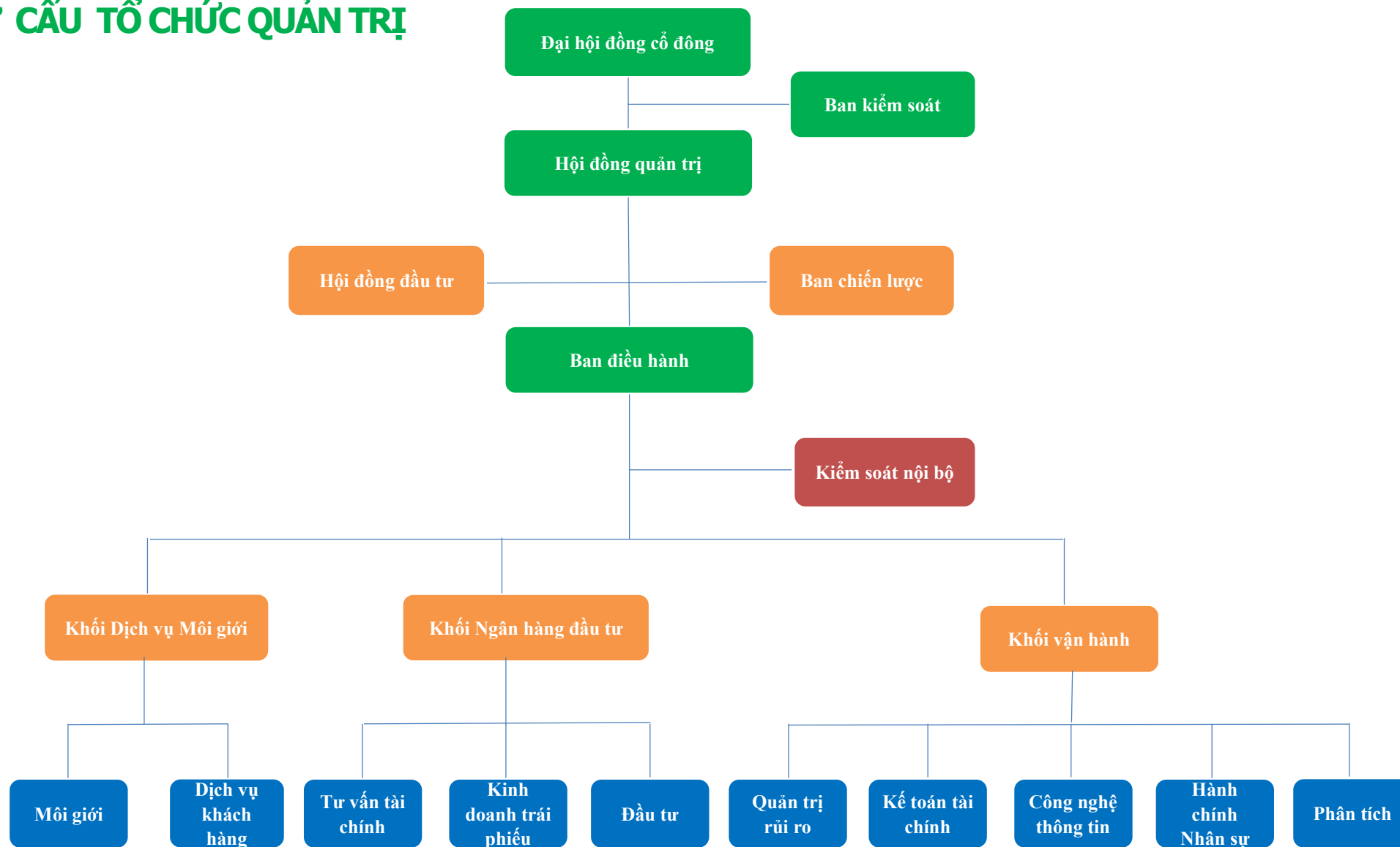
- Xây dựng chiến lược mua bán, sáp nhập doanh nghiệp và lựa chọn đối tượng
- Khảo sát và đánh giá doanh nghiệp
- Liên kết chiến lược
- Tư vấn pháp lý
- Định giá công ty
- Tư vấn xây dựng cấu trúc tài chính trước và sau khi mua bán, sáp nhập
- Thương thảo các điều kiện, điều khoản thực hiện thỏa thuận mua bán và sáp nhập
- Tư vấn quản trị Công ty

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Mô hình quản trị doanh nghiệp của VIS được xây dựng trên cơ sở tuân thủ các quy định pháp luật Việt Nam hiện hành và theo định hướng vận dụng các thông lệ quốc tế về quản trị doanh nghiệp. Tất cả các hoạt động của VIS đều được thực hiện căn cứ và tuân thủ đầy đủ Điều lệ Tổ chức hoạt động đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Công ty cũng ban hành hệ thống quy chế Quản trị nội bộ được áp dụng thống nhất, xuyên suốt các Phòng/Ban, Chi nhánh.



CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN TRỊ



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Bà NGUYỄN THỊ THU TRANG
Chủ tịch HĐQT

Bà **Nguyễn Thị Thu Trang** – Chủ tịch HĐQT, là một doanh nhân thành đạt tại Việt Nam. Bà từng giữ vị trí chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần chứng khoán Đại Tây Dương- công ty chứng khoán đã hợp nhất với VIS



Ông NGUYỄN THANH TUYỀN
Phó Chủ tịch HĐQT

Ông **Nguyễn Thanh Tuyền** – Phó chủ tịch thường trực Hội đồng quản trị, Ông Tuyền là Thạc sĩ Tài chính có gần 20 năm kinh nghiệm trong ngành Tài chính - Ngân hàng với hơn 15 năm gắn bó trong lĩnh vực chứng khoán. Ông từng giữ vị trí chủ chốt tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank), Công ty chứng khoán SBS, Công ty chứng khoán Viễn Đông..., trong đó có nhiều năm giữ vị trí Tổng giám đốc điều hành. Ông Tuyền gắn bó với VIS từ năm 2015 với vị trí Tổng giám đốc và hiện đang đảm nhiệm vị trí Phó chủ tịch HĐQT VIS từ 2018 đến nay.



Bà NGUYỄN THANH THỦY
Thành viên HĐQT

Bà **Nguyễn Thanh Thủy** – Thành viên HĐQT, là doanh nhân dày dặn kinh nghiệm và thành đạt tại Việt Nam. Bà Thủy đã nhiều năm là thành viên HĐQT của VIS và đã có nhiều đóng góp quan trọng cho sự thành công của VIS.



Ông VÕ QUANG LONG
Thành viên HĐQT

Ông **Võ Quang Long** – Thành viên HĐQT, Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh. Ông Long đã có gần 20 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực Ngân hàng – Bảo hiểm, đặc biệt ông từng giữ những chức vụ chủ chốt tại nhiều ngân hàng lớn trong nước như: Ngân hàng TMCP Phát triển nhà TPHCM (HDBank), Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB).



Ông CAO QUẾ LÂM
Thành viên HĐQT

Ông **Cao Quế Lâm** – Thành viên HĐQT, đã có hơn 15 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực Tài chính - Chứng khoán. Với nhiều năm gắn bó, Ông Lâm đã có những đóng góp quan trọng cho sự ổn định và phát triển của VIS.

BAN KIỂM SOÁT



Ông ĐÀO DUY HẢI
Trưởng ban Kiểm soát

.....
Ông Đào Duy Hải, Thạc sĩ Kinh Tế. Ông Hải từng công tác tại nhiều tổ chức kinh tế như Công ty TNHH Kiểm toán A&C, Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB).



Ông TRẦN BÌNH ỔN
Thành viên ban Kiểm soát

.....
Ông Trần Bình Ổn là doanh nhân dày dạn kinh nghiệm và thành đạt tại Việt Nam. Ông nhiều năm là thành viên Ban kiểm soát của VIS và đã có nhiều đóng góp quan trọng cho sự ổn định và phát triển của VIS.



Bà NGUYỄN THỊ THU THỦY
Thành viên ban Kiểm soát

.....
Bà Nguyễn Thị Thu Thủy, đã có hơn 15 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực Tài chính - Chứng khoán. Trong suốt quá trình công tác tại VIS, bà Thủy đã có những đóng góp to lớn cho sự ổn định và phát triển của VIS.

BAN ĐIỀU HÀNH



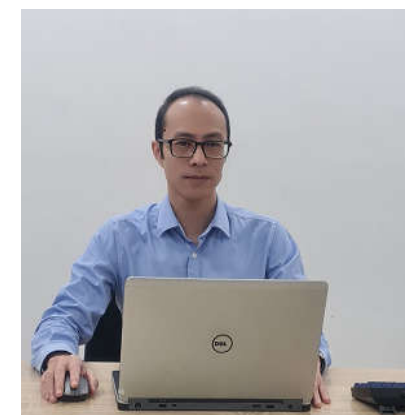
Ông DƯƠNG KỲ HIỆP
Tổng giám đốc

.....
Ông Dương Kỳ Hiệp đã có hơn 15 năm kinh nghiệm làm việc và giữ các vị trí chủ chốt tại Công ty Chứng khoán ngân hàng Sài Gòn Thương tín như Giám đốc Chi nhánh Sài Gòn, Giám đốc Khối Vận hành,... Ông đã có hơn 04 năm gắn bó với VIS ở vị trí Tổng giám đốc. Dưới sự điều hành của Ông, VIS đã có những chuyển biến tích cực, tạo dựng nền tảng ổn định để hướng đến sự phát triển mạnh mẽ trong tương lai.



Ông VĨNH BẢO QUỐC
Phó Tổng giám đốc thường trực

.....
Ông Vĩnh Bảo Quốc đã có hơn 15 năm làm việc trong lĩnh vực Tài chính, Chứng khoán và hơn 04 năm gắn bó với VIS. Trước đó Ông từng giữ vị trí Trưởng phòng Quản lý rủi ro, Giám đốc Giám sát – Phụ trách rủi ro tại Công ty Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương tín.



Ông VŨ HOÀNG MINH
Phó Tổng giám đốc

.....
Ông Vũ Hoàng Minh đã có gần 20 năm kinh nghiệm trong ngành tài chính, đặc biệt là mảng Tư vấn Doanh nghiệp (tư vấn mua bán và sáp nhập Doanh nghiệp, tư vấn chiến lược, tư vấn tái cấu trúc Doanh nghiệp...). Ông đã từng đảm nhiệm các vị trí quản lý quan trọng tại Công ty Chứng khoán Quốc tế Việt Nam, Công ty Chứng khoán Ngân hàng ACB.

CHỨC NĂNG VÀ NHIỆM VỤ CỦA CÁC PHÒNG BAN



PHÒNG MÔI GIỚI

Môi giới, tư vấn đầu tư chứng khoán, phát triển và chào bán các sản phẩm, dịch vụ của Công ty. Tìm kiếm, kết nối và chăm sóc khách hàng là các nhà đầu tư có nhu cầu tham gia thị trường chứng khoán, có tiềm lực tài chính và kiến thức về chứng khoán, thị trường chứng khoán.

PHÒNG DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG

Hỗ trợ xử lý các giao dịch mua bán chứng khoán, thực hiện dịch vụ lưu ký, kế toán giao dịch và các dịch vụ chứng khoán hỗ trợ khác như cầm cố, thực hiện quyền, ứng trước...

PHÒNG TƯ VẤN TÀI CHÍNH

Cung cấp các dịch vụ tư vấn liên quan đến tài chính và quản trị doanh nghiệp cho khách hàng bao gồm các dịch vụ tư vấn chào bán, niêm yết chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn mua bán sáp nhập doanh nghiệp (M&A), tư vấn tái cấu trúc, quản trị công ty và định giá cổ phần.



PHÒNG QUẢN TRỊ RỦI RO

Thống kê, đánh giá và đo lường các hình thái rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động của các phòng/ban nghiệp vụ, kinh doanh. Đề xuất và triển khai các giải pháp phòng ngừa và hạn chế rủi ro. Giám sát hoạt động, đảm bảo các rủi ro được quản lý theo chính sách của Công ty và tuân thủ các quy định về quản trị rủi ro được ban hành trong toàn hệ thống.

PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

Hạch toán kế toán tài chính và kế toán quản trị; Phân tích và giám sát tài chính Công ty.

BP. KIỂM SOÁT NỘI BỘ

Thực hiện và duy trì tính hợp lý về khả năng đạt được mục tiêu của đơn vị trong việc, đảm bảo độ tin cậy của báo cáo tài chính, đảm bảo hiệu quả, hiệu suất hoạt động, tuân thủ pháp luật và các quy định có liên quan.

PHÒNG PHÂN TÍCH

Thực hiện các hoạt động phân tích, nghiên cứu vĩ mô, thị trường, ngành, công ty, lập các báo cáo có liên quan và cung cấp thông tin, báo cáo cho các đối tượng sử dụng khác nhau trong và ngoài Công ty.

PHÒNG HÀNH CHÍNH NHÂN SỰ

Thực hiện các công việc hành chính văn phòng, tổ chức, quản lý và phát triển nguồn nhân lực của Công ty nhằm đảm bảo hoạt động của doanh nghiệp luôn diễn ra liên tục, hiệu quả.

PHÒNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Đảm bảo duy trì hệ thống CNTT của Công ty, triển khai và phát triển các ứng dụng phục vụ hoạt động quản lý và kinh doanh của VIS.

TẦM NHÌN SỨ MỆNH GIÁ TRỊ CỐT LÕI

TẦM NHÌN

Chúng tôi xây dựng Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam thành một Công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam trong lĩnh vực chứng khoán – tài chính; cung cấp các dịch vụ tư vấn doanh nghiệp cũng như các dịch vụ, sản phẩm về thị trường vốn và thị trường nợ cho Khách hàng.

SỨ MỆNH

- Xây dựng một đội ngũ nhân lực có chuyên môn cao và tạo dựng một văn hóa kinh doanh chuyên nghiệp.
- Cung cấp các giải pháp thị trường vốn toàn diện, các tiện ích gia tăng và các dịch vụ đầu tư cho khách hàng.
- Thiết lập liên minh với các định chế tài chính, xây dựng cộng đồng các nhà đầu tư chuyên nghiệp tại Việt Nam.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

HƯỚNG ĐẾN KHÁCH HÀNG

Lợi ích của khách hàng là ưu tiên hàng đầu của VIS. Thành công của VIS đến từ thành công của khách hàng.

CÔNG BẰNG - TRUNG THỰC

Đây là các cốt lõi nền tảng trong quan hệ mà VIS xây dựng với khách hàng, với đối tác và nhân viên của VIS.

DỊCH VỤ HOÀN HẢO

VIS đo lường chất lượng dịch vụ của mình bằng chính giá trị mà VIS mang lại cho khách hàng.

CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Không có

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Mục tiêu chủ yếu của công ty

Công ty được thành lập để hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đầu tư tài chính, chứng khoán với mục tiêu thu lợi nhuận; tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động; mang lại cổ tức cao cho các cổ đông; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Hướng tới mục tiêu trở thành một trong những Công ty chứng khoán lớn trên thị trường chứng khoán, từng bước nâng tầm vị thế trong hoạt động kinh doanh, VIS đã có những chiến lược trung và dài hạn tập trung vào việc xây dựng các yếu tố mang tính nền tảng như sau:

- **Nhân sự:** Phát triển đội ngũ nhân sự có chất lượng cao, luôn tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, nâng động cho toàn thể nhân sự của Công ty để có thể phát huy hết lợi thế của mình. Bên cạnh đó VIS luôn đề cao nền tảng đạo đức nghề nghiệp cho tất cả nhân sự của mình, nhằm đạt được sự hài lòng và tin tưởng của khách hàng.
- **Công nghệ:** Xây dựng hệ thống công nghệ hỗ trợ tốt nhất cho các nhu cầu của khách hàng và vận hành Công ty. Đảm bảo cung cấp cho khách hàng hệ thống giao dịch thuận lợi, nhanh chóng, chính xác, an toàn và ổn định.
- **Sản phẩm:** Không ngừng hoàn thiện, phát triển và đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ cung cấp nhằm đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng, nâng cao năng lực cạnh tranh với các Công ty chứng khoán khác. Luôn lấy sự hài lòng và lợi ích của khách hàng trong khuôn khổ của pháp luật để đánh giá sự thành công của sản phẩm.
- **Tài chính:** Tăng cường năng lực tài chính để đáp ứng được tốt nhất những yêu cầu về sản phẩm tài chính của khách hàng và về mục tiêu đầu tư kinh doanh của Công ty trong mọi tình huống.
- **Quản trị rủi ro:** Tăng cường năng lực quản trị rủi ro song song với việc nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- **Quản trị chi phí:** Kiểm soát chi phí chặt chẽ, giảm thiểu các chi phí không cần thiết

Các mục tiêu phát triển bền vững

VIS hoạt động kinh doanh trên nguyên tắc tuân thủ quy định của pháp luật và phù hợp với xu hướng phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam.

Công ty luôn ưu tiên phát triển bền vững trên cơ sở xây dựng các giá trị cốt lõi của doanh nghiệp, bao gồm tài sản, con người và văn hóa Công ty. Trong ngắn hạn, Công ty tập trung xây dựng hệ thống quản trị minh bạch nhất có thể, đáp ứng được đầy đủ các quy định, tiêu chuẩn về minh bạch theo thông lệ tốt nhất. Đây chính là nền tảng đảm bảo cho cộng đồng nhà đầu tư, nhân viên Công ty tin tưởng vào hoạt động, sự phát triển của Công ty. Minh bạch cũng là một nội dung trong hoạt động xây dựng văn hóa Công ty.

CÁC RỦI RO

RỦI RO DO HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Rủi ro xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống, quy trình nghiệp vụ, lỗi hệ thống, quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp hoặc rủi ro do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ những khoản chi phí hoặc rủi ro, lỗi từ hoạt động đầu tư hoặc do các nguyên nhân khách quan khác, ví dụ: nhân viên gian lận, môi giới giả mạo chữ ký khách hàng, đặt nhầm lệnh... Để phòng tránh các rủi ro này, Công ty thường xuyên xây dựng, rà soát, cập nhật, kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện hệ thống quy trình nghiệp vụ; Xây dựng phương án dự phòng cho các tình huống khẩn cấp; hệ thống dự phòng kỹ thuật, dữ liệu cho một số bộ phận nghiệp vụ; Thường xuyên đào tạo, tổ chức đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng mềm, đạo đức hành nghề cho cán bộ nhân viên; Xây dựng kế hoạch, huy động nguồn vốn cần thiết đáp ứng nhu cầu kinh doanh.

RỦI RO THANH TOÁN

Xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc không thể chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết, dẫn tới tổn thất về vốn cho Công ty. Rủi ro thanh toán xảy ra khi VIS cho phép khách hàng sử dụng đòn bẩy tài chính cao mà công tác quản trị rủi ro chưa nắm bắt nên phải gánh chịu các khoản lỗ khi khách hàng mất khả năng thanh toán. Công ty đã thực hiện xây dựng hành lang pháp lý trong các cam kết với đối tác, trong các điều khoản Hợp đồng đảm bảo có chế tài chặt chẽ, có biện pháp xử lý thích hợp nếu đối tác, khách hàng không thực hiện đúng cam kết thanh toán đúng hạn; Phân tích, đánh giá chính xác, theo dõi, cảnh báo sớm đối với loại tài sản nhận làm tài sản bảo đảm của khách hàng, đối tác; Xây dựng cơ chế bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong các giao dịch với các đối tác và khách hàng để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán của đối tác, khách hàng; Thường xuyên theo dõi, đảm bảo khách hàng, đối tác luôn thanh toán theo tiến độ hợp đồng để giảm thiểu rủi ro khó thu tiền của khách hàng; Cảnh báo sớm nếu có dấu hiệu khó thu hồi.

RỦI RO THANH KHOẢN

Xảy ra khi Công ty chứng khoán không cân đối kịp nguồn vốn để thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn hoặc các yêu cầu thanh toán của khách hàng do việc quản lý các khoản đầu tư tiền gửi, các khoản vay và cho vay thiếu chặt chẽ, hoặc do không quản lý tách bạch tiền của nhà đầu tư dẫn tới vô tình hoặc cố ý lạm dụng tiền gửi của khách hàng. Công ty chứng khoán cũng gặp rủi ro thanh khoản khi các tài sản mà Công ty đầu tư vào, hoặc các tài sản khách hàng sử dụng để đảm bảo các khoản vay có khả năng thanh khoản thấp, dẫn tới Công ty chứng khoán không thể chuyển đổi những tài sản này thành tiền mặt với giá trị hợp lý trong ngắn hạn khi thị trường thiếu hụt thanh khoản. Để quản trị rủi ro này, Công ty đã dự trữ nguồn tiền mặt cần thiết đảm bảo khả năng thanh khoản của VIS; Duy trì, đa dạng hóa đối tác cho VIS vay ngắn hạn với lãi suất hợp lý; Xây dựng hệ thống báo cáo thường xuyên, quản lý dòng tiền toàn Công ty, theo dõi trạng thái thanh khoản, cảnh báo sớm nếu có sự thiếu hụt thanh khoản trong tương lai; Luôn duy trì và đảm bảo tỷ lệ cao giữa tài sản ngắn hạn và dài hạn; Thường xuyên rà soát danh mục tài sản, danh mục đầu tư; Đa dạng hóa danh mục tài sản và công nợ theo hướng tăng tính thanh khoản. Trong trường hợp đặc biệt, VIS có thể chuyển nhượng, bán... được tài sản của mình để đáp ứng nhu cầu thanh khoản.

RỦI RO PHÁP LÝ

Xảy ra khi Công ty vi phạm các quy định hiện hành dẫn tới thực hiện sai và các tranh chấp kiến tụng xảy ra. Việc tuân thủ các quy định hiện hành được Ban điều hành và bộ phận quản trị rủi ro luôn giám sát chặt chẽ, thường xuyên cập nhật các quy định pháp luật ban hành và có các hướng dẫn cụ thể cho các bộ phận có liên quan cập nhật và tuân thủ thực hiện. Ngoài ra, VIS tổ chức đào tạo nội bộ hoặc cử cán bộ nhân viên tham gia các khóa đào tạo liên quan tới những vấn đề pháp lý; Xây dựng hệ thống kiểm soát tuân thủ nội bộ; bộ phận Pháp chế hoạt động chuyên nghiệp có khả năng kiểm soát được các rủi ro pháp lý; Xây dựng, cập nhật các Quy chế, quy trình, Hợp đồng đảm bảo tuân thủ pháp luật, bảo vệ quyền lợi của Công ty; Cơ cấu tổ chức của Công ty theo hướng gọn nhẹ, phân chia trách nhiệm, quyền hạn rõ ràng; Thuê chuyên gia pháp lý, đơn vị tư vấn pháp lý để thực hiện một số vụ việc phức tạp (nếu cần).





PHẦN 2
BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG
NĂM 2022

KINH TẾ VĨ MÔ NĂM 2022

- ❖ Kinh tế - xã hội nước ta năm 2022 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới đang phải đối mặt với những thách thức lớn, biến động nhanh, khó lường và tính bất ổn cao; lạm phát đã tăng lên mức cao nhất trong nhiều thập kỷ buộc các quốc gia phải thắt chặt chính sách tiền tệ. Cạnh tranh chiến lược, địa chính trị giữa các nước lớn, xung đột quân sự giữa Nga và U-crai-na; thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, mưa bão, hạn hán... đã làm gia tăng rủi ro đến thị trường tài chính, tiền tệ, an ninh năng lượng, an ninh lương thực toàn cầu. Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) năm 2022 của Việt Nam lần đầu tiên vượt 400 tỉ USD. Theo Tổng cục thống kê, GDP bình quân đầu người năm 2022 ước đạt 95,6 triệu đồng/người, tương đương 4.110 USD, tăng 393 USD so với năm 2021.
- ❖ Đặc biệt, GDP năm 2022 của Việt Nam ghi nhận mức tăng cao nhất trong vòng 12 năm qua với mức tăng 8,02% so với năm trước. Trong đó, lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản có mức tăng 3,36%, đóng góp 5,11% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế.
- ❖ Lĩnh vực công nghiệp và xây dựng, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo có tốc độ tăng trưởng là 8,10%, đóng góp 38,24% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế.
- ❖ Lĩnh vực dịch vụ được khôi phục và tăng trưởng mạnh mẽ với tốc độ tăng năm 2022 đạt 9,99%, cao nhất trong giai đoạn 2011-2022; đóng góp 56,65% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế.

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN NĂM 2022



- ❖ Thị trường chứng khoán năm 2022 sụt giảm mạnh so với năm 2021 trong bối cảnh doanh nghiệp gặp khó khăn khi tiếp cận nguồn vốn cho vay, hạn mức tăng trưởng tín dụng kiểm soát chặt chẽ, khối lượng trái phiếu doanh nghiệp phát hành giảm.
- ❖ Năm 2022 có thể nói là một năm khủng hoảng của thị trường chứng khoán khi các cổ phiếu giảm sâu, tài khoản hầu hết nhà đầu tư đều trong tình trạng âm nặng, tình trạng này có liên quan chặt chẽ đến những sai phạm trong hoạt động chứng khoán, phát hành trái phiếu của các doanh nghiệp lớn. Tuy vậy, những ngày cuối năm 2022, thị trường chứng khoán có nhiều dấu hiệu hồi phục tích cực trở lại khi chỉ số VN-Index tăng vọt bất ngờ, mở ra hy vọng về một thị trường nhiều điểm sáng hơn trong năm 2023.

KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2022

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2021	2022
1	Tổng Tài sản	432.981	461.826
2	Vốn chủ sở hữu	339.268	371.733
3	Vốn điều lệ	300.000	300.000
4	Tổng Doanh thu	84.774	105.474
5	Tổng Chi phí	54.278	65.088
6	Tổng Lợi nhuận trước thuế	30.496	40.386
7	Lợi nhuận sau thuế	25.037	32.465

Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2022

❖ **Hoạt động môi giới:**

- **Về định hướng chiến lược:** Hoạt động môi giới và giao dịch của VIS kế thừa nền tảng về khách hàng, hỗ trợ tài chính, đồng thời tiếp tục tập trung vào việc nâng cao chất lượng dịch vụ.
- **Về tổ chức hoạt động giao dịch chứng khoán:** Trong năm 2022, hoạt động giao dịch của VIS vẫn được duy trì ổn định. Các giao dịch tiền và chứng khoán của khách hàng được kiểm soát chặt chẽ, nhân viên giao dịch có tư cách đạo đức tốt, luôn tuân thủ các nguyên tắc về giao dịch nên trong năm 2022 không có bất cứ một trường hợp nào làm sai quy định của Công ty về tiền và chứng khoán của khách hàng.
- **Công tác kiểm soát:** Công tác kiểm soát luôn được chú trọng, kiểm soát chặt chẽ lệnh đặt của khách hàng trên cơ sở kiểm tra, giám sát các quy trình thực hiện nghiệp vụ, soát lệnh trên hệ thống.
- **Công tác quản trị rủi ro:** Luôn bám sát và nắm bắt mọi biến động của thị trường, chủ động đưa ra các kịch bản và giải pháp xử lý rủi ro cho từng giai đoạn của thị trường, hỗ trợ và giúp hoạt động môi giới an toàn, ổn định. Kiểm soát các hoạt động hỗ trợ tài chính lành mạnh, an toàn.
- **Kết quả hoạt động:** Hoạt động môi giới vẫn là hoạt động mang lại doanh thu lớn cho VIS trong năm 2022 đạt 26,876 tỷ đồng, tổng giá trị giao dịch của VIS trong năm 2022 xấp xỉ 19.648 tỷ đồng, tương đương giá trị giao dịch 78,9 tỷ đồng/ngày giao dịch, chiếm 0,2% thị phần môi giới của toàn thị trường.
- ❖ **Hoạt động hỗ trợ tài chính:** Doanh thu từ hoạt động hỗ trợ tài chính đạt 22,893 tỷ đồng chiếm 21,78% tổng doanh thu, tăng mạnh 34% so với năm 2021.
- ❖ **Hoạt động tư vấn và ngân hàng đầu tư:** Trong năm 2022, VIS tiếp tục tập trung vào các nghiệp vụ tư vấn M&A, tư vấn và đại lý phát hành trái phiếu doanh nghiệp và các dịch vụ giá trị cao khác. Doanh thu ròng từ hoạt động tư vấn của toàn Công ty đạt 51,195 tỷ đồng (chiếm 48,72% tổng doanh thu).

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	% thực hiện so với kế hoạch năm
1	Tổng Doanh thu	331.267	105.474	31,84%
2	Tổng Chi phí	191.252	65.088	34,03%
3	Lợi nhuận trước thuế	140.015	40.386	28,84%
4	Vốn điều lệ	600.000	300.000	50%

Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2022

Năm 2022 là một năm khó khăn của thị trường chứng khoán Việt Nam, giảm mạnh về điểm số cũng như khối lượng giao dịch so với năm 2021, tác động tiêu cực đến tâm lý nhà đầu tư cũng như gây ra tâm lý e ngại của các doanh nghiệp khi có ý định niêm yết, huy động vốn trên sàn chứng khoán năm 2022.

Mặc dù có nhiều khó khăn của thị trường chứng khoán trong năm 2022 nhưng sự chỉ đạo sát sao của HĐQT, Ban điều hành cũng như sự nỗ lực của toàn thể Cán bộ nhân viên, kết quả hoạt động kinh doanh của năm 2022 của Công ty đã có một số thành tựu nhất định đặc biệt lợi nhuận sau thuế đạt 32,4 tỷ tăng xấp xỉ 30% so với năm 2021.

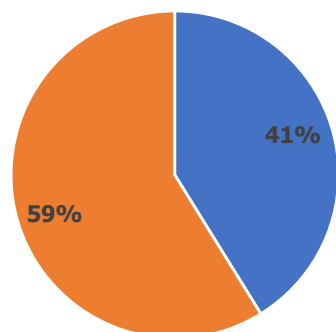
Trong năm 2022, Công ty có kế hoạch tăng vốn điều lệ từ 300 tỷ đồng lên 600 tỷ đồng thông qua Phương thức chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu, tuy nhiên, do thay đổi kế hoạch tăng vốn vì vậy Công ty đã không thực hiện tăng vốn trong năm 2022.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

CƠ CẤU NHÂN SỰ

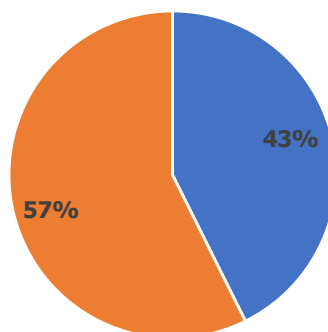
- **Tổng số lượng nhân sự của công ty là 68 người, trong đó:**
- + Cơ cấu theo địa bàn kinh doanh: có 28 nhân sự (chiếm 41%) tại Hội sở chính và 40 nhân sự (chiếm 59%) tại Chi nhánh Hồ Chí Minh.
- + Cơ cấu nhân sự theo giới tính: Có 29 Nam (chiếm 43%) và 39 Nữ (chiếm 57%)

Cơ cấu nhân sự theo địa bàn kinh doanh



■ Hội sở ■ Chi nhánh HCM

Cơ cấu nhân sự theo giới tính



■ Nam ■ Nữ

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu VIS sở hữu	Tỷ lệ % sở hữu cổ phiếu VIS
1	Dương Kỳ Hiệp	Tổng Giám đốc	0	0
2	Vinh Bào Quốc	Phó Tổng Giám đốc thường trực	0	0
3	Vũ Hoàng Minh	Phó Tổng Giám đốc	0	0
4	Trần Văn Toàn	Giám đốc chi nhánh	0	0
5	Nguyễn Quỳnh Mai	Kế toán trưởng	0	0

• Chính sách tiền lương, phụ cấp và Bảo hiểm:

- + Về tiền lương: Công ty đã xây dựng quy chế lương nhằm đáp ứng cơ cấu tổ chức của Công ty, chính sách lương luôn đảm bảo sự khuyến khích đóng góp của người lao động, và phù hợp với quy định của pháp luật.
- + Về phụ cấp và Bảo hiểm: Toàn bộ các nhân viên được Công ty ký kết hợp đồng lao động chính thức đều được hưởng các chế độ phụ cấp và BHXH, BHYT, BH thất nghiệp đầy đủ theo đúng quy định của pháp luật.

• Chính sách đào tạo:

Công ty luôn duy trì chính sách đào tạo hàng năm nhằm nâng cao trình độ của cán bộ nhân viên. Hỗ trợ nguồn kinh phí cho cán bộ nhân viên theo học các khóa học do UBCKNN, do các Sở Giao dịch chứng khoán tổ chức.

• Chế độ khen thưởng, phúc lợi:

Được gắn liền với kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, cán bộ nhân viên được hưởng chế độ nghỉ mát, chế độ thưởng tại các dịp lễ, tết nhằm động viên khuyến khích người lao động.

• Chế độ việc làm:

Công ty luôn tuân thủ quy định về pháp luật lao động, như làm việc 8 giờ/ngày, nghỉ lễ, nghỉ phép, nghỉ ốm, nghỉ thai sản.

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

Không có

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Tại thời điểm 31/12/2022 Công ty đang nắm giữ 6 khoản đầu tư tài chính lớn

Stt	Tên Chứng Khoán	Số lượng (Trái phiếu)	Giá trị thị trường (VNĐ)
1	Trái phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát triển Đô Thị Ân Phú	500.000	52.991.500.000
2	Trái phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Hải Phát	450.000	46.235.250.000
3	Trái phiếu Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Land	2.000	200.000.000
4	Trái phiếu Công ty Bất Động Sản Hướng Việt	70.000	7.000.000.000
5	Trái phiếu Công ty Cổ phần Tandoland	300.000	30.000.000.000
6	Trái phiếu Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân	522.500	52.250.000.000

Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2022

CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Không có



CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2022

KỶ NIỆM SINH NHẬT LẦN THỨ 16

Kỷ niệm sinh nhật lần thứ 16, VIS ghi nhận công lao của CBNV bằng giải thưởng và bằng khen" vinh danh CBNV gắn bó với VIS", CBNV có thành tích sắc xuất..., gắn kết mọi người bằng những trò chơi "kịch tính" với những phần quà vô cùng "chất", và cùng nhiều giải thưởng siêu hấp dẫn khác. Phải nói rằng, tiệc chúc mừng sinh nhật VIS diễn ra vô cùng ấm cúng và vui vẻ với sự góp mặt đầy đủ khách mời và toàn bộ nhân viên.



NOEL 2022 CÙNG VIS

Đại gia đình VIS đã có một mùa Noel ấm áp, cùng nhau chia sẻ các món quà ý nghĩa mà mỗi người đã tự chuẩn bị cho các thành viên còn lại.



ĐÀO TẠO NỘI BỘ

Trong năm 2022, VIS đã tổ chức được rất nhiều khóa đào tạo nội bộ để nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cũng như hoàn thiện các kỹ năng mềm cho các thành viên của VIS sẵn sàng hoàn thành tốt công việc. Ngoài ra, CBCNV cũng tham gia đầy đủ các khóa đào tạo, tập huấn, huấn luyện cập nhật các quy định mới của pháp luật liên quan đến lĩnh vực chứng khoán, quản trị công ty và lấy các chứng chỉ hành nghề chứng khoán.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	01/01/2022	31/12/2022	Tăng trưởng
1	Tổng tài sản	432.981	461.826	6,66%
2	Vốn chủ sở hữu	339.268	371.733	9,57%
3	Vốn điều lệ	300.000	300.000	0%

Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2022

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Tăng trưởng
1	Tổng Doanh thu	84.774	105.474	24%
2	Tổng Chi phí	54.278	65.088	20%
3	Tổng LN trước thuế	30.496	40.386	32%
4	Lợi nhuận sau thuế	25.037	32.465	30%
5	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0	0	0%

Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2022

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	3,98	4,43
+ Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	3,98	4,43
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Tổng Nợ/Tổng tài sản	0,22	0,20
+ Tổng Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,28	0,24
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+ Vòng quay tổng tài Sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	0,26	0,24
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	12,32%	8,73%
+ Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	5,8%	7,03%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	29,5%	30,78%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	35,9%	57,06%

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

CỔ PHẦN

- **Tổng số cổ phần** : 30.000.000 cổ phần
- **Mệnh giá cổ phần** : 10.000 đồng
- **Loại cổ phần đang lưu hành** : 30.000.000 cổ phần phổ thông
- **Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do**: 30.000.000 cổ phần phổ thông
- **Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng**: 0 cổ phần

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

- Cơ cấu cổ đông theo tỉ lệ sở hữu:

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên	1	25.444.815	84,82%
2	Cổ đông nắm giữ từ 1% đến dưới 5%	3	2.783.759	9,28%
3	Cổ đông nắm giữ dưới 1%	80	1.771.426	5,90%
TỔNG CỘNG		84	30.000.000	100%

- Cơ cấu cổ đông theo vị trí địa lý:

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
1	Trong nước	81	29.997.500	99,57%
	-Cá nhân	75	1.389.599	4,63%
	-Tổ chức	6	28.480.401	94,94%
2	Nước ngoài	3	130.000	0,43%
	-Cá nhân	3	130.000	0,43%
	-Tổ chức	0	0	
TỔNG CỘNG		84	30.000.000	100%

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 49%

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA SỞ HỮU

Lần	Thời gian hoàn thành	Vốn điều lệ tăng thêm (1,000 VND)	Vốn điều lệ sau phát hành (1,000 VND)	Hình thức phát hành
1	15/09/2014		60.000.000	Thành lập Công ty
2	20/10/2016	90.000.000	150.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu
3	02/11/2021	150.000.000	300.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Trong năm 2022 VIS không phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Không có



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

TIÊU THỤ NGUỒN NƯỚC

Do đặc thù là công ty cung cấp dịch vụ nên Công ty không sử dụng nhiều điện, nước như các doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực khác như sản xuất, chế biến... Tuy vậy, Công ty luôn gắn kết mục tiêu bảo vệ môi trường trong hoạt động kinh doanh với việc nâng cao nhận thức của cán bộ, nhân viên trong việc bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng và tài nguyên nước.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Số lần bị xử phạt do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: **Không có**

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Xem phần Tổ chức nhân sự: trang 19

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

- Tích cực tham gia các chương trình kêu gọi thành lập các quỹ cứu trợ dành cho các cá nhân có hoàn cảnh khó khăn, đồng bào vùng cao và các vùng bị thiên tai do công đoàn địa phương tổ chức.
- Cung cấp các chương trình thực tập dành cho các sinh viên mới ra trường, đào tạo và trao cơ hội việc làm cho những sinh viên thực sự có khả năng và có tổ chức.
- Tích cực tham gia các chương trình hội thảo, tập huấn do các cơ quan chức năng tổ chức như UBCKNN, HNX, cơ quan thuế, BHXH, ...

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA UBCKNN

Không phát sinh

MỘT SỐ HÌNH ẢNH CÂY XANH VĂN PHÒNG CỦA VIS (HCM)





PHẦN 3

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

PHÂN TÍCH TỔNG QUAN

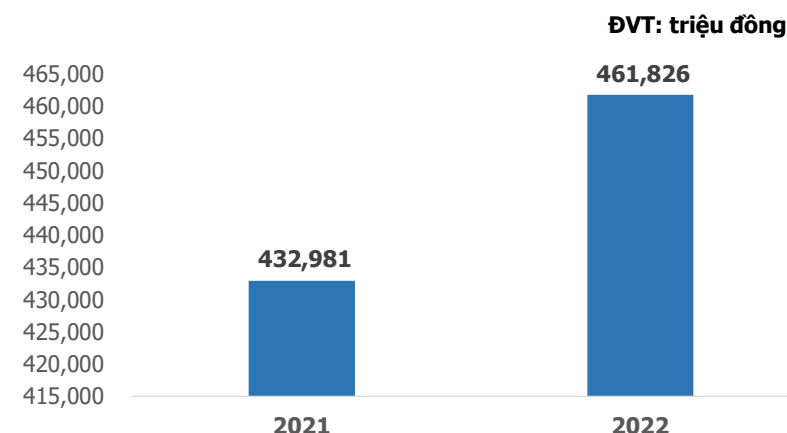
STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Tăng trưởng
1	Tổng Doanh thu	84.774	105.474	24%
2	Tổng Chi phí	54.278	65.088	20%
3	Tổng LN trước thuế	30.496	40.386	32%
4	Lợi nhuận sau thuế	25.037	32.465	30%

Trước những diễn biến bất lợi của thị trường tài chính và thị trường chứng khoán, VIS đã nỗ lực triển khai hoạt động kinh doanh bám sát với định hướng đã được ĐHĐCĐ phê duyệt. Kết quả năm 2022, hoạt động kinh doanh của Công ty được duy trì ổn định. Đây là một kết quả rất đáng khích lệ khi quy mô thị trường giảm mạnh và nhiều biến động trên thị trường trong suốt năm qua, đặc biệt trong 06 tháng cuối năm. Lợi nhuận sau thuế năm 2022 đạt 32,4 tỷ cao hơn 30% so với năm 2021.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Tổng tài sản của Công ty đạt 461,8 tỷ đồng tại thời điểm 31/12/2022, tăng 6,6% so với cùng kỳ năm 2021, chủ yếu đến từ sự gia tăng các khoản tài sản tài chính ngắn hạn. Các khoản mục tài sản còn lại không có nhiều sự thay đổi so với năm 2021.



TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Hiện tại, ngoài nguồn vốn chủ sở hữu phục vụ cho hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, VIS chỉ phát sinh quan hệ tín dụng với NHTMCP Phương Đông (OCB). Số dư nợ tại OCB vào thời điểm cuối năm 2022 là 55 tỷ đồng, cao hơn 05 tỷ đồng so với số dư nợ 50 tỷ đồng vào thời điểm cuối năm 2021. Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2022 đạt 371,73 tỷ đồng, chiếm 80,49%/Tổng nguồn vốn.

Công ty không phát sinh bất kỳ khoản nợ phải trả quá hạn nào, bao gồm cả các khoản nợ thanh toán đến hạn với các cơ quan Nhà nước như: BHXH, BHYT, Thuế, các Sở giao dịch chứng khoán và TTLKCK Việt nam... Công ty luôn tuân thủ đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm với cộng đồng, với các cơ quan quản lý Nhà nước, các đối tác và bạn hàng trong quan hệ kinh doanh và hợp tác.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Quản lý nhân sự, tập trung vào nâng cao vai trò và giá trị của bộ máy nhân sự kinh doanh. Tuyển dụng và đào tạo các thể hệ kế cận nhân sự trẻ, tâm huyết và có trách nhiệm. Chính sách quản lý và kinh doanh của Công ty hướng tới các mục tiêu phát triển kinh doanh: ổn định, bền vững, an toàn và nâng cao nhận thức về đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ nhân sự, bao gồm và không giới hạn: Ban Tổng giám đốc, các vị trí quản lý cấp trung và đội ngũ nhân sự kinh doanh, Môi giới... Bên cạnh đó, Công ty tập trung đầu tư và phát triển các tiện ích, công cụ giao dịch trực tuyến nhằm gia tăng lợi thế cạnh tranh, tăng lợi ích giao dịch cho nhà đầu tư và góp phần giảm thiểu các chi phí hoạt động liên quan.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Cùng với sự phát triển của công nghệ và TTCKVN, trong thời gian tới, Công ty định hướng mục tiêu phát triển theo các tiêu chí cốt lõi:

- Đẩy mạnh phát triển hoạt động bán lẻ và IB, bao gồm:
 - + Dịch vụ tài chính;
 - + Môi giới và tư vấn đầu tư chứng khoán;
 - + Tư vấn ngân hàng đầu tư (IB).
 - + Các dịch vụ chứng khoán khác
- Tiếp tục củng cố năng lực Quản Trị Rủi Ro nhằm mục đích đưa hoạt động MG và GDKQ theo hướng an toàn, bền vững.
- Thị phần môi giới chiếm khoảng 1% toàn thị trường.
- Kích hoạt lại tài khoản khách hàng hiện hữu, mở rộng thêm khách hàng mới thông qua các chính sách sản phẩm có tính cạnh tranh, kênh bán hàng đa dạng.
- Phát triển Nghiệp vụ Tư vấn, xây dựng cơ sở dữ liệu khách hàng.
- Phát triển nhân sự để đáp ứng yêu cầu phát triển trong tương lai.
- Nâng cấp/thay đổi và đưa vào vận hành cơ sở hạ tầng CNTT, các tiện ích giao dịch trực tuyến, đáp ứng được việc quản lý rủi ro tự động hóa.
- Số hóa hệ thống quản trị - điều hành, kinh doanh nhằm tiết giảm chi phí quản lý và tăng cường hiệu quả trong công tác quản trị - điều hành.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực Chứng khoán – Tài chính, Công ty luôn ý thức và nhận định việc bảo vệ môi trường nhằm bảo vệ sức khỏe cho người lao động, khách hàng và cộng đồng xã hội. Công ty luôn chú trọng đến việc tiết kiệm tiêu thụ điện năng thông qua việc định kỳ kiểm tra, bảo trì bảo dưỡng hệ thống MMTB và thay thế ngay khi cần thiết.

Đối với quyền lợi chính đáng và hợp pháp của người lao động, Công ty cũng luôn chú trọng thông qua việc tuân thủ đầy đủ các quy định về BHXH, BHYT, BHTN và có những chính sách về phúc lợi dành cho người lao động phù hợp với thực tế hoạt động. Công ty luôn xác định "Con người là chủ thể của mọi hoạt động kinh doanh - Nhân lực là nền tảng của sự phát triển", do đó, Công ty xây dựng các chính sách về lương, thưởng phù hợp với thực tiễn kinh doanh theo xu hướng tăng dần qua từng thời kỳ, quan tâm đến đời sống tinh thần và sức khỏe của đội ngũ CBNV thông qua việc khám sức khỏe định kỳ, tổ chức nghỉ dưỡng, tham quan, du lịch cho CBNV hàng năm. Qua đó, góp phần tạo sự đoàn kết, gắn bó của đội ngũ nhân sự, đồng lòng, chung sức vì mục tiêu chung của Công ty và của cộng đồng ngành Chứng khoán.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Không có



PHẦN 4

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Với những bất lợi từ thị trường, VIS vẫn duy trì hoạt động kinh doanh song song đảm bảo vận hành ổn định và nâng cao công tác quản trị rủi ro, xây dựng nền tảng ổn định. Các mảng hoạt động môi giới, kinh doanh trái phiếu không đạt lợi nhuận như kế hoạch đề ra do tình hình khó khăn chung của ngành và điều kiện kinh doanh trái phiếu bị giới hạn. Tuy nhiên các khối kinh doanh đã xây dựng đội ngũ phát triển kinh doanh, mở ra các mảng kinh doanh mới và củng cố nguồn lực nhân sự cho tương lai.

Chỉ tiêu (trệu đồng)	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2021	% TH 2022/ KH 2022	% tăng trường so với 2021
Tổng doanh thu công ty	105.474	331.267	84.774	32%	24%
Tổng chi phí công ty	65.088	191.252	54.278	34%	20%
Tổng lợi nhuận trước thuế	40.386	140.015	30.496	29%	32%
Vốn điều lệ	300.000	600.000	300.000		

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- HĐQT thường xuyên chỉ đạo Ban Lãnh đạo Công ty về các vấn đề liên quan đến các mặt hoạt động kinh doanh của Công ty, đưa ra chủ trương, quyết sách kịp thời phù hợp với từng giai đoạn phát triển của Công ty, hoàn cảnh kinh tế và TTCK, tuân thủ đúng quy định pháp luật;
- Ban TGD đã tiếp nhận chỉ đạo và có những biện pháp triển khai nhiệm vụ mà HĐQT giao phó, thường xuyên cập nhật tình hình hoạt động Công ty qua báo cáo trực tiếp và báo cáo bằng văn bản định kỳ;
- Hoạt động Môi giới và Dịch vụ tài chính được ưu tiên phát triển theo hướng bền vững, quản trị được rủi ro, đảm bảo duy trì thị phần giao dịch;
- Hoạt động Ngân hàng đầu tư dẫn đi vào ổn định, có sự tăng trưởng tích cực về cả doanh thu và lợi nhuận, tạo cơ sở khách hàng nền móng cho sự phát triển trong tương lai.
- Ban TGD tiếp tục xây dựng và ban hành hệ thống văn bản pháp quy, quy chế, quy trình, quy định, tạo hành lang pháp lý cho các hoạt động kinh doanh diễn ra đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

CÁC KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

Với mục tiêu phát triển VIS trở thành Công ty chuyên cung cấp các dịch vụ chứng khoán chuyên biệt cho khách hàng cá nhân và tận dụng tốt các cơ hội kinh doanh của thị trường, năm 2023 HĐQT tập trung triển khai các hoạt động sau:

- Triển khai chiến lược phát triển đến năm 2023, với mục tiêu duy trì thị phần ổn định tối thiểu 1%, đưa ROE tối thiểu 15% vào năm 2023 trên nền tảng đảm bảo an toàn và kiểm soát rủi ro;
- Tập trung chỉ đạo hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2023, với mục tiêu Lợi nhuận trước thuế đạt 75,434 tỷ đồng;
- Tiếp tục tái cấu trúc và cải tổ toàn bộ hoạt động VIS ở các mảng trọng điểm:
 - Tổ chức lại mô hình kinh doanh của VIS, trong đó tập trung phát triển hoạt động dịch vụ môi giới chuyên biệt, mở rộng kênh bán hàng, phát triển các sản phẩm và tiện ích mới nhằm đa dạng hóa dịch vụ tài chính.
 - Công tác quản trị rủi ro: đặc biệt chú trọng công tác quản trị rủi ro trong năm 2023. Đẩy mạnh rà soát và hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro, nâng cao hiệu quả giám sát, kiểm soát đối với tất cả các mảng hoạt động của Công ty.
 - Công tác nhân sự: chú trọng tuyển dụng nhân sự chất lượng, đào tạo nhân sự tiềm năng bổ sung cho các mảng hoạt động kinh doanh còn thiếu, đồng thời thúc đẩy sự phát triển của CBNV. Rà soát lại chính sách đãi ngộ để tạo động lực gắn kết và cống hiến của CBNV.
 - Tiếp tục chủ trương đẩy mạnh số hóa trong quản trị doanh nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả giám sát, giảm thiểu thời gian xử lý công việc, tăng năng suất lao động của CBNV.



PHẦN 5 QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HĐQT

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số lượng cổ phần VIS sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phần VIS
1	Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Chủ tịch HĐQT	0	0
2	Ông Nguyễn Thanh Tuyền	Phó chủ tịch HĐQT thường trực	0	0
3	Ông Cao Quế Lâm	Thành viên HĐQT không điều hành	0	0
4	Bà Nguyễn Thanh Thủy	Thành viên HĐQT không điều hành	249.160	0,83%
5	Ông Võ Quang Long	Thành viên HĐQT không điều hành	0	0

CÁC TIÊU BAN THUỘC HĐQT

Hội đồng đầu tư

Hội đồng đầu tư được thành lập theo quyết định của HĐQT, nhằm phụ trách các vấn đề liên quan đến hoạt động đầu tư kinh doanh của VIS.

Hội đồng đầu tư gồm có 03 thành viên. Bao gồm 02 thành viên Hội đồng quản trị và 01 thành viên Ban điều hành.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số lượng cổ phần VIS sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phần VIS
1	Ông Võ Quang Long	Chủ tịch HĐQT	0	0
2	Ông Nguyễn Thanh Tuyền	Thành viên HĐQT	0	0
3	Ông Dương Kỳ Hiệp	Thành viên HĐQT	0	0

Trong năm 2022, Hội đồng đầu tư họp định kỳ, thường xuyên và liên tục, giám sát hoạt động đầu tư của VIS, các hành động, quyết định của HĐQT luôn đảm bảo phù hợp với mục tiêu chiến lược đã được HĐQT đề ra.

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Trong năm 2022, HĐQT đã tổ chức 24 cuộc họp, thông qua những quyết định quan trọng để định hướng hoạt động kinh doanh của Công ty.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2022/NQ-HĐQT	11-01-22	Thông qua kết quả kinh doanh năm 2021, kế hoạch kinh doanh năm 2022	100%
2	02/2022/NQ-HĐQT	19-01-22	Thông qua phương án đầu tư trái phiếu năm 2022	100%
3	01/2022/VIS/NQ-HĐQT	01-03-22	Thông qua phương án tổ chức họp ĐHCĐ thường niên năm 2022	100%
4	02/2022/VIS/NQ-HĐQT	01-03-22	Thông qua phương án đầu tư trái phiếu CTCP Hưng Thịnh Land	100%
5	03/2022/VIS/NQ-HĐQT	04-03-22	Thông qua việc xin cấp phép dịch vụ Ứng trước tiền bán chứng khoán	100%
6	04/2022/VIS/NQ-HĐQT	10-03-22	Thông qua việc đề nghị cấp hạn mức tín dụng với ngân hàng	100%
7	05/2022/VIS/NQ-HĐQT	15-03-22	Thông qua phương án đầu tư trái phiếu CTCP Đầu tư BDS Sơn Kim	100%
8	06/2022/VIS/NQ-HĐQT	17-03-22	Thông qua phương án đầu tư trái phiếu CTCP Đầu tư BDS Sơn Kim	100%
9	07/2022/VIS/NQ-HĐQT	25-03-22	Thay đổi thời gian tổ chức họp ĐHCĐ thường niên năm 2022	100%
10	08/2022/VIS/NQ-HĐQT	28-03-22	Thông qua phương án đầu tư trái phiếu	100%
11	09/2022/VIS/NQ-HĐQT	12-04-22	Thông qua phương án đầu tư trái phiếu	100%
12	10/2022/VIS/NQ-HĐQT	21-04-22	Ban hành điều lệ Công ty sửa đổi	100%
13	11/2022/VIS/NQ-HĐQT	21-04-22	Thông qua hạn mức đầu tư trái phiếu	100%
14	12/2022/VIS/NQ-HĐQT	21-04-22	Thông qua phương án đầu tư trái phiếu CTCP Tập đoàn FLC	100%
15	13/2022/VIS/NQ-HĐQT	21-04-22	Thông qua Hạn mức tự doanh cổ phiếu	100%
16	14/2022/VIS/NQ-HĐQT	27-04-22	Thông qua Quy chế hoa hồng môi giới	100%
17	15/2022/VIS/NQ-HĐQT	18-05-22	Thông qua phương án đầu tư trái phiếu ngày 18/05/2022	100%
18	16/2022/VIS/NQ-HĐQT	23-05-22	Thông qua phương án đầu tư trái phiếu Công ty TNHH Đak Lak	100%
19	17/2022/VIS/NQ-HĐQT	31-05-22	Thông qua phương án đầu tư trái phiếu ngày 31/05/2022	100%
20	02/QĐ/VIS	01-06-22	Ban hành Quy chế hoa hồng môi giới	100%
21	18/2022/VIS/NQ-HĐQT	05-07-22	Thông qua phương án đầu tư trái phiếu ngày 05/07/2022	100%
22	19/2022/VIS/NQ-HĐQT	06-07-22	Thông qua phương án đầu tư trái phiếu ngày 06/07/2022	100%

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT (tiếp theo)

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
23	20/2022/NQ-VIS-HĐQT	18-07-22	Thông qua phương án đầu tư trái phiếu ngày 18/07/2022	100%
24	21/2022/NQ-VIS-HĐQT	21-07-22	Thông qua phương án đầu tư trái phiếu ngày 21/07/2022	100%
25	22/2022/NQ-VIS-HĐQT	21-07-22	Thông qua phương án đầu tư trái phiếu ngày 21/07/2022- CTCP Toàn Hải Vân	100%
26	23/2022/NQ-VIS-HĐQT	21-07-22	Thông qua giao dịch với người liên quan- CTCP Bình An House	100%
27	24/2022/NQ-VIS-HĐQT	25-07-22	Thông qua phương án đầu tư trái phiếu ngày 25/07/2022	100%
28	25/2022/NQ-VIS-HĐQT	26-07-22	Thông qua phương án giao dịch trái phiếu ngày 26/07/2022	100%
29	26/2022/NQ-VIS-HĐQT	08-08-22	Thông qua phương án giao dịch trái phiếu ngày 08/08/2022	100%
30	27/2022/NQ-VIS-HĐQT	11-08-22	Thông qua giao dịch với người liên quan- CTCP Bình An House	100%
31	28/2022/NQ-VIS-HĐQT	18-08-22	Thông qua phương án giao dịch trái phiếu ngày 18/08/2022	100%
32	29/2022/NQ-VIS-HĐQT	19-08-22	Thông qua giao dịch mua trái phiếu ngày 19/08/2022	100%
33	30/2022/NQ-VIS-HĐQT	19-08-22	Thông qua giao dịch bán trái phiếu ngày 19/08/2022	100%
34	31/2022/NQ-VIS-HĐQT	24-08-22	Thông qua giao dịch mua trái phiếu ngày 24/08/2022	100%
35	32/2022/NQ-VIS-HĐQT	30-08-22	Thông qua phương án giao dịch trái phiếu ngày 30/08/2022	100%
36	33/2022/NQ-VIS-HĐQT	30-08-22	Thay đổi hạn mức đầu tư trái phiếu năm 2022	100%
37	34/2022/NQ-VIS-HĐQT	06-09-22	Thông qua phương án giao dịch trái phiếu ngày 06/09/2022	100%
38	35/2022/NQ-VIS-HĐQT	16-09-22	Thông qua phương án giao dịch trái phiếu ngày 16/09/2022	100%
39	35A/2022/NQ-VIS-HĐQT	16-09-22	Thông qua phương án xây dựng Phần mềm quản lý trái phiếu	100%
40	36/2022/NQ-VIS-HĐQT	20-09-22	Thông qua giao dịch mua trái phiếu ngày 20/09/2022	100%
41	37/2022/NQ-VIS-HĐQT	20-09-22	Thông qua giao dịch bán trái phiếu ngày 20/09/2022	100%
42	38/2022/NQ-VIS-HĐQT	21-09-22	Thông qua phương án giao dịch trái phiếu ngày 21/09/2022	100%
43	39/2022/NQ-VIS-HĐQT	23-09-22	Thông qua giao dịch mua trái phiếu ngày 23/09/2022	100%
44	40/2022/NQ-VIS-HĐQT	23-09-22	Thông qua giao dịch bán trái phiếu ngày 23/09/2022	100%
45	41/2022/NQ-VIS-HĐQT	26-09-22	Thông qua giao dịch mua trái phiếu ngày 26/09/2022	100%
46	42/2022/NQ-VIS-HĐQT	26-09-22	Thông qua giao dịch bán trái phiếu ngày 26/09/2022	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
48	44/2022/NQ-VIS-HĐQT	03-10-22	Thông qua giao dịch mua trái phiếu ngày 03/10/2022	100%
49	45/2022/NQ-VIS-HĐQT	03-10-22	Thông qua giao dịch bán trái phiếu ngày 03/10/2022	100%
50	46/2022/NQ-VIS-HĐQT	04-10-22	Thông qua phương án giao dịch trái phiếu ngày 04/10/2022	100%
51	47/2022/NQ-VIS-HĐQT	05-10-22	Thông qua giao dịch mua trái phiếu ngày 05/10/2022	100%
52	48/2022/NQ-VIS-HĐQT	05-10-22	Thông qua giao dịch bán trái phiếu ngày 05/10/2022	100%
53	49/2022/NQ-VIS-HĐQT	11-10-22	Thông qua giao dịch mua trái phiếu ngày 11/10/2022	100%
54	50/2022/NQ-VIS-HĐQT	11-10-22	Thông qua giao dịch bán trái phiếu ngày 11/10/2022	100%
55	51/2022/NQ-VIS-HĐQT	31-10-22	Thông qua giao dịch mua trái phiếu ngày 31/10/2022	100%
56	52/2022/NQ-VIS-HĐQT	31-10-22	Thông qua giao dịch bán trái phiếu ngày 31/10/2022	100%
57	53/2022/NQ-VIS-HĐQT	03-11-22	Thông qua phương án giao dịch trái phiếu ngày 03/11/2022	100%
58	54/2022/NQ-VIS-HĐQT	04-11-22	Thông qua giao dịch mua trái phiếu ngày 04/11/2022	100%
59	55/2022/NQ-VIS-HĐQT	04-11-22	Thông qua giao dịch bán trái phiếu ngày 04/11/2022	100%
60	56/2022/NQ-VIS-HĐQT	07-11-22	Thông qua giao dịch mua trái phiếu ngày 07/11/2022	100%
61	57/2022/NQ-VIS-HĐQT	07-11-22	Thông qua giao dịch bán trái phiếu ngày 07/11/2022	100%
62	58/2022/NQ-VIS-HĐQT	08-11-22	Thông qua giao dịch mua trái phiếu ngày 08/11/2022	100%
63	59/2022/NQ-VIS-HĐQT	08-11-22	Thông qua giao dịch bán trái phiếu ngày 08/11/2022	100%
64	60/2022/NQ-VIS-HĐQT	08-11-22	Thông qua phương án giao dịch trái phiếu với người liên quan ngày 08/11/2022	100%
65	61/2022/NQ-VIS-HĐQT	09-11-22	Thông qua phương án giao dịch trái phiếu với người liên quan ngày 09/11/2022	100%
66	62/2022/NQ-VIS-HĐQT	10-11-22	Thông qua giao dịch mua trái phiếu ngày 10/11/2022	100%
67	63/2022/NQ-VIS-HĐQT	10-11-22	Thông qua giao dịch bán trái phiếu ngày 10/11/2022	100%
68	64/2022/NQ-VIS-HĐQT	16-11-22	Thông qua giao dịch mua trái phiếu ngày 16/11/2022	100%
69	65/2022/NQ-VIS-HĐQT	16-11-22	Thông qua giao dịch bán trái phiếu ngày 16/11/2022	100%
70	66/2022/NQ-VIS-HĐQT	16-11-22	Thông qua giao dịch bán trái phiếu ngày 16/11/2022	100%
71	67/2022/NQ-VIS-HĐQT	17-11-22	Thông qua phương án đầu tư trái phiếu ngày 17/11/2022	100%

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT (tiếp theo)

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
72	68/2022/NQ-VIS-HĐQT	21-11-22	Thông qua giao dịch mua trái phiếu ngày 21/11/2022	100%
73	69/2022/NQ-VIS-HĐQT	21-11-22	Thông qua phương án đầu tư trái phiếu ngày 21/11/2022	100%
74	70/2022/NQ-VIS-HĐQT	02-12-22	Thông qua phương án giao dịch trái phiếu ngày 02/12/2022	100%
75	71/2022/NQ-VIS-HĐQT	05-12-22	Thông qua phương án giao dịch trái phiếu ngày 05/12/2022	100%
76	72/2022/NQ-VIS-HĐQT	08-12-22	Thông qua giao dịch mua trái phiếu ngày 08/12/2022	100%
77	73/2022/NQ-VIS-HĐQT	08-12-22	Thông qua giao dịch bán trái phiếu ngày 08/12/2022	100%
78	74/2022/NQ-VIS-HĐQT	09-12-22	Thông qua phương án giao dịch trái phiếu ngày 09/12/2022	100%
79	75/2022/NQ-VIS-HĐQT	12-12-22	Thông qua phương án giao dịch trái phiếu ngày 12/12/2022	100%
80	76/2022/NQ-VIS-HĐQT	15-12-22	Thông qua giao dịch mua trái phiếu - CTCP Đầu tư và Kinh doanh Gofl Long Thành	100%
81	77/2022/NQ-VIS-HĐQT	15-12-22	Thông qua giao dịch bán trái phiếu - CTCP Đầu tư và Kinh doanh Gofl Long Thành	100%
82	78/2022/NQ-VIS-HĐQT	15-12-22	Thông qua giao dịch bán trái phiếu- CTCP Đầu tư Phát triển đô thị Ân Phú	100%
83	79/2022/NQ-VIS-HĐQT	21-12-22	Thông qua phương án đầu tư trái phiếu ngày 21/12/2022	100%
84	80/2022/NQ-VIS-HĐQT	26-12-22	Thông qua giao dịch mua trái phiếu ngày 26/12/2022	100%
85	81/2022/NQ-VIS-HĐQT	26-12-22	Thông qua giao dịch bán trái phiếu ngày 26/12/2022	100%
86	82/2022/NQ-VIS-HĐQT	27-12-22	Thông qua giao dịch mua trái phiếu ngày 27/12/2022	100%
87	83/2022/NQ-VIS-HĐQT	27-12-22	Thông qua giao dịch bán trái phiếu ngày 27/12/2022	100%
88	84/2022/NQ-VIS-HĐQT	28-12-22	Thông qua giao dịch mua trái phiếu ngày 28/12/2022	100%
89	85/2022/NQ-VIS-HĐQT	28-12-22	Thông qua giao dịch bán trái phiếu ngày 28/12/2022	100%
90	86/2022/NQ-VIS-HĐQT	29-12-22	Thông qua giao dịch mua trái phiếu ngày 29/12/2022	100%
91	87/2022/NQ-VIS-HĐQT	29-12-22	Thông qua giao dịch bán trái phiếu ngày 29/12/2022	100%
92	88/2022/NQ-VIS-HĐQT	31-12-22	Thông qua phương án giao dịch trái phiếu ngày 31/12/2022	100%

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

Thành viên HĐQT độc lập đã tham gia và đóng góp ý kiến của mình tại các cuộc họp của HĐQT mà thành viên tham dự.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị Công ty trong năm

Không có

BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số lượng cổ phần VIS sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phần VIS
1	Ông Đào Duy Hải	Trưởng Ban kiểm soát	0	0
2	Ông Trần Bình Ổn	Thành viên Ban kiểm soát	0	0
3	Bà Nguyễn Thị Thu Thủy	Thành viên Ban kiểm soát	0	0

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2022, Ban Kiểm soát đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ theo quy định pháp luật:

- Thẩm định báo cáo tài chính định kỳ và thông báo trong các phiên họp của Hội đồng quản trị.
- Thực hiện các phiên họp định kỳ và bất thường, trao đổi việc giám sát hoạt động quản trị điều hành của Công ty.
- Thực hiện các đợt kiểm tra giám sát tuân thủ, giám sát tình hình hoạt động, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty.
- Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM TOÁN

- Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:
- + Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát đã chi từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022 là: 444.000.000 đồng.
- + Chi phí khác cho HĐQT, Ban kiểm soát năm 2022: không phát sinh.
- + Tổng thù lao HĐQT, Ban kiểm soát và chi phí khác đã chi năm 2022 là: 444.000.000 đồng.
- Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không có.
- Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Không có.
- Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty: HĐQT, Ban tổng giám đốc đã thực hiện đầy đủ các quy định về quản trị Công ty theo quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty





PHẦN 6

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
KIỂM TOÁN NĂM 2022**

BÁO CÁO CỦA HĐQT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Tuyền	Phó chủ tịch
Bà Nguyễn Thanh Thủy	Ủy viên
Ông Võ Quang Long	Ủy viên
Ông Cao Quế Lâm	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Dương Kỳ Hiệp	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Hoàng Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vĩnh Bảo Quốc	Phó Tổng Giám đốc thường trực

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc,


Dương Kỳ Hiệp
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP



Công ty TNHH Kiểm toán An Việt

Tầng 12, tòa nhà 167 Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

W www.anvietcpa.com

E anviet@anvietcpa.com

T (84-24) 6278 2904

F (84-24) 6278 2905

Số: 30 /2023/BCKT-AVI-TC1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam ("gọi tắt là Công ty") được lập ngày 02/03/2023 và được trình bày từ trang 06 đến trang 34 bao gồm Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính áp dụng cho công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam.



Vũ Bình Minh
Tổng giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 0034-2023-055-1

Đoàn Thu Hằng
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 1396-2023-055-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT

Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

MẪU SỐ B01 - CTCK
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		396.662.329.755	371.124.388.899
I. Tài sản tài chính	110		394.511.992.142	363.970.604.068
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111		49.810.662.771	4.453.029.210
1.1. Tiền	111.1	5	49.810.662.771	4.453.029.210
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112	7.1	193.303.525.347	90.788.873.630
3. Các khoản cho vay	114	7.2	121.229.290.110	240.030.954.679
4. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	7.3	(3.180.632.293)	(3.075.284.188)
5. Các khoản phải thu	117	10	34.614.265.678	31.596.219.187
5.1. Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1		31.320.660.340	30.832.143.080
5.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2		3.293.605.338	764.076.107
5.2.2. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		3.293.605.338	764.076.107
6. Trả trước cho người bán	118		113.206.330	136.816.330
7. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119		1.527.671.692	1.208.020.293
8. Các khoản phải thu khác	122		1.170.920.430	1.306.616.654
9. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	8	(4.076.917.923)	(2.474.641.727)
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		2.150.337.613	7.153.784.831
1. Tạm ứng	131		1.487.392.479	6.507.565.138
2. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	11	662.945.134	646.219.693
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		65.164.503.715	61.857.046.414
I. Tài sản tài chính dài hạn	210		51.600.000.000	51.600.000.000
1. Các khoản phải thu dài hạn	211	12	50.700.000.000	50.700.000.000
2. Các khoản đầu tư	212		900.000.000	900.000.000
2.1. Đầu tư dài hạn khác	212.4		900.000.000	900.000.000
II. Tài sản cố định	220		4.591.702.205	4.652.678.793
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	2.901.610.244	3.035.631.948
- Nguyên giá	222		16.330.255.902	29.077.432.546
- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(13.428.645.658)	(26.041.800.598)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	1.690.091.961	1.617.046.845
- Nguyên giá	228		14.849.714.990	15.704.892.732
- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(13.159.623.029)	(14.087.845.887)
III. Tài sản dài hạn khác	250		8.972.801.510	5.604.367.621
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		642.956.099	489.481.281
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	11	1.687.020.360	970.849.705
3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	254	15	6.642.825.051	4.144.036.635
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		461.826.833.470	432.981.435.313

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

MẪU SỐ B01 - CTCK
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		90.093.148.452	93.712.972.776
I. Nợ ngắn hạn	310		89.565.521.870	93.161.846.194
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311	17	55.000.000.000	50.000.000.000
3. Phải trả người bán ngắn hạn	320	16	16.440.968.234	23.693.508.691
4. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		115.500.000	391.500.000
5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	18	5.691.833.624	6.587.015.847
6. Phải trả người lao động	323		3.522.884.404	2.605.687.185
7. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		166.993.910	93.182.842
8. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	19	3.347.846.550	2.066.860.182
9. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327		286.461.396	418.461.396
10. Các khoản phải trả, phải nộp khác	329	20	4.928.948.176	7.184.044.475
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		64.085.576	121.585.576
II. Nợ phải trả dài hạn	340		527.626.582	551.126.582
1. Quỹ bảo vệ Nhà đầu tư	355		527.626.582	551.126.582
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		371.733.685.018	339.268.462.537
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	371.733.685.018	339.268.462.537
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		300.000.000.000	300.000.000.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		300.000.000.000	300.000.000.000
a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		300.000.000.000	300.000.000.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		2.101.876.058	850.028.064
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		2.123.819.760	871.971.766
4. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416		5.117.661.540	5.117.661.540
5. Lợi nhuận chưa phân phối	417		62.390.327.660	32.428.801.167
5.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1		62.390.901.901	32.432.027.303
5.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		(574.241)	(3.226.136)
TỔNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	440		461.826.833.470	432.981.435.313

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

CHỈ TIÊU	Mã Số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
1. Nợ khó đòi đã xử lý	4		-	19.004.071.984
2. Cổ phiếu đang lưu hành	006		30.000.000	30.000.000
3. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008	24.1	13.180.000	1.634.740.000
4. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK	009		1.380.000	1.380.000
5. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012	24.2	187.142.690.000	82.692.690.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	24.3	3.787.607.240.000	3.651.977.870.000
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		1.906.862.100.000	1.657.433.020.000
b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		51.810.650.000	15.899.510.000
c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		1.806.895.720.000	1.922.945.710.000
d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		40.000	35.970.000
e. Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		22.038.730.000	55.663.660.000
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	24.4	18.260.980.000	18.368.810.000
a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		11.160.980.000	11.268.810.000
b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	022.2		7.100.000.000	7.100.000.000
c. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, cầm cố	022.3		-	-
3. Tiền gửi của khách hàng	026		197.451.575.754	255.791.697.972
3.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK	027	24.5	155.184.989.304	134.953.102.322
3.2 Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	028	24.5	42.266.586.450	120.640.489.300
3.3 Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	030		-	198.106.350
4. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	24.6	197.451.575.754	255.593.591.622
4.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		195.438.326.689	253.442.839.818
4.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		2.013.249.065	2.150.751.804
5. Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán	032		-	198.106.350

Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

(Signature)

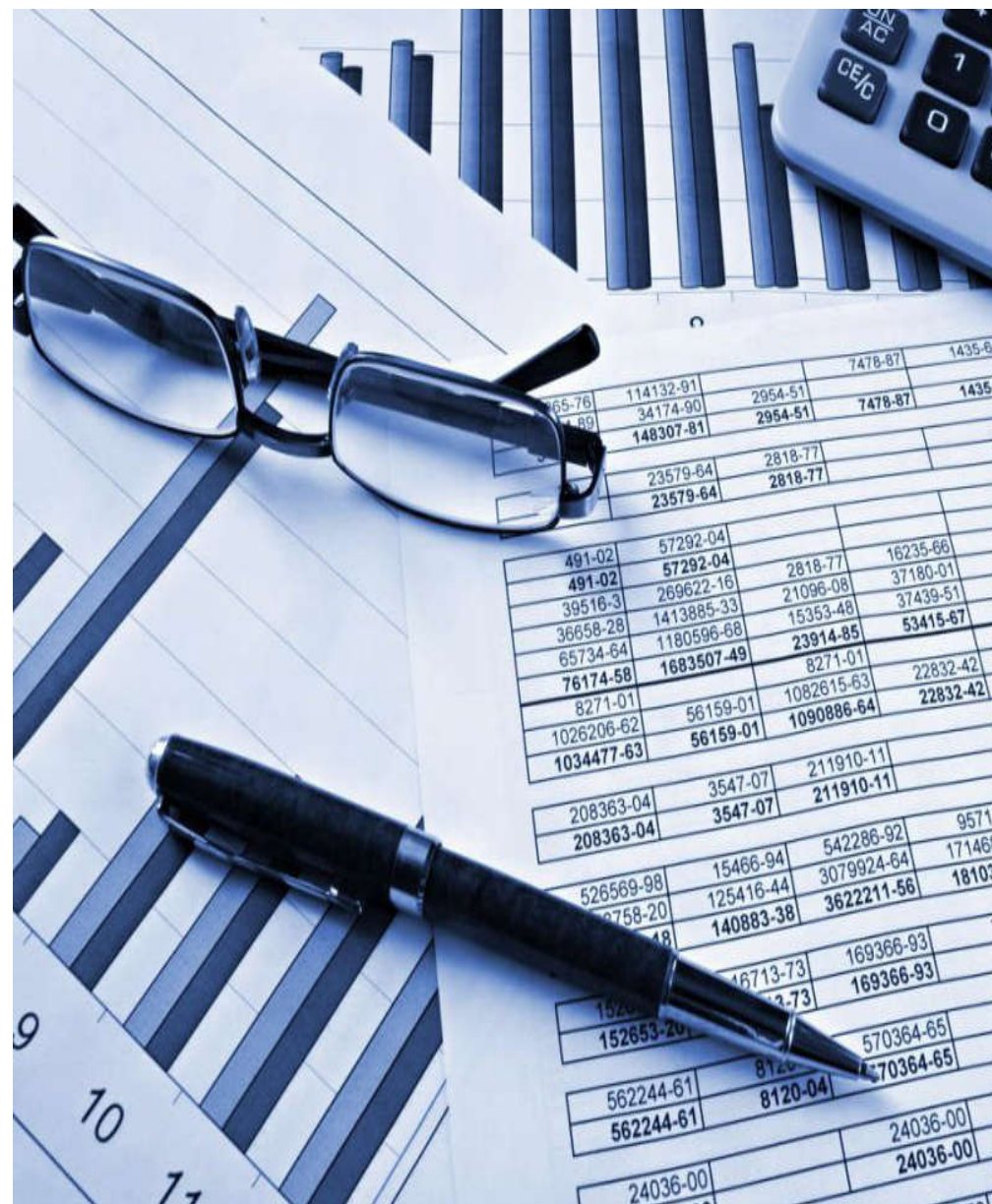
(Signature)



Nguyễn Thị Hương Ly

Nguyễn Quỳnh Mai

Dương Kỳ Hiệp



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

MẪU SỐ B02 - CTCK
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	1		41.381.755.124	1.935.227.825
a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1	25	35.922.084.537	1.758.500.000
b. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3		5.459.670.587	176.727.825
1.2. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	3		22.893.973.082	15.101.725.969
1.3. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	6		26.876.031.129	40.876.072.410
1.4. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	9		2.896.011.815	5.457.860.250
1.5. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10		5.805.418.182	14.111.039.999
1.6. Thu nhập hoạt động khác	11		4.009.431.003	6.433.514.668
Cộng doanh thu hoạt động	20		103.862.620.335	83.915.441.121
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		2.885.314.814	(1.703.459.001)
a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	21.1	25	2.887.966.709	-
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	21.2	26	(2.651.895)	(1.703.459.001)
2.2. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24		1.710.276.196	(1.902.620.857)
2.3. Chi phí hoạt động tự doanh	26	27	26.880.000	-
2.4. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	27	18.008.139.659	27.449.151.855
2.6. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	27	1.413.735.800	1.379.174.828
2.7. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31	27	16.259.872.699	8.203.998.354
2.8. Chi phí các dịch vụ khác	32	27	3.379.196.478	2.599.886.036
Cộng chi phí hoạt động	40		43.683.415.646	36.026.131.215
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	41		488.517.260	121.780.540
3.2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42		737.204.222	729.581.782
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50		1.225.721.482	851.362.322
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
4.1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	51		120.000	413.984.210
4.2. Chi phí lãi vay	52		4.832.536.985	2.554.116.585
Cộng chi phí tài chính	60		4.832.656.985	2.968.100.795
V. CHI PHÍ BÁN HÀNG	61		-	-
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	28	16.863.807.324	14.303.918.973
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	70		39.708.461.862	31.468.652.460

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

MẪU SỐ B02 - CTCK
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
8.1. Thu nhập khác	71		385.378.911	6.869.332
8.2. Chi phí khác	72		(292.310.271)	979.419.700
Cộng kết quả hoạt động khác	80		677.689.182	(972.550.368)
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ	90		40.386.151.044	30.496.102.092
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		40.383.499.149	28.792.643.091
9.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92		2.651.895	1.703.459.001
X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		7.920.928.563	5.459.142.208
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	29	7.920.928.563	5.459.142.208
10.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2		-	-
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN	200		32.465.222.481	25.036.959.884
XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500			
13.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501	30	1.082	1.419

Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Hương Ly

Nguyễn Quỳnh Mai

Dương Kỳ Hiệp



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

MẪU SỐ B03a - CTCK
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2022	Năm 2021
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền đã chi mua các tài sản tài chính	01	(11.894.475.798.920)	(14.814.758.042.647)
2. Tiền đã thu từ bán các tài sản tài chính	02	11.830.948.609.862	14.654.098.377.555
3. Tiền chi nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	03	(2.258.527.792)	(239.286.956)
4. Cổ tức đã nhận	04	680.700	176.727.825
5. Tiền lãi đã thu	05	22.538.057.309	15.165.110.245
6. Tiền chi trả lãi vay cho hoạt động của CTCK	06	(4.846.098.629)	(2.468.625.326)
7. Tiền chi trả Tổ chức cung cấp dịch vụ cho CTCK	07	(29.881.597.567)	(10.803.989.337)
8. Tiền chi trả cho người lao động	08	(10.161.208.625)	(10.269.489.335)
9. Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động CTCK	09	(49.617.032.168)	(47.805.790.901)
10. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	11	3.144.075.272.715	2.745.758.689.074
11. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	12	(2.965.077.547.596)	(2.723.791.975.325)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	41.244.809.289	(194.938.295.128)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	21	(934.903.000)	(1.578.133.500)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	22	47.727.272	2.236.364
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(887.175.728)	(1.575.897.136)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	150.000.000.000
2. Tiền vay gốc	33	440.000.000.000	180.200.000.000
2.1. Tiền vay khác	33.2	440.000.000.000	180.200.000.000
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(435.000.000.000)	(137.200.000.000)
3.1. Tiền chi trả gốc vay khác	34.3	(435.000.000.000)	(137.200.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	5.000.000.000	193.000.000.000
IV. Tăng/giảm tiền thuần trong năm	50	45.357.633.561	(3.514.192.264)
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	4.453.029.210	7.967.221.474
Tiền	61	4.453.029.210	7.967.221.474
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	49.810.662.771	4.453.029.210
Tiền	71	49.810.662.771	4.453.029.210

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2022	Năm 2021
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	10.126.592.539.400	14.510.892.166.800
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(17.164.230.339.095)	(22.871.188.626.000)
3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	6.979.495.783.827	8.503.443.414.162
4. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	12	142.638.647.109	116.706.076.003
5. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	13	(142.836.753.459)	(116.554.377.153)
Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	20	(58.340.122.218)	143.298.653.812
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	30	255.791.697.972	112.493.044.160
Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	31	255.791.697.972	112.493.044.160
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32	134.953.102.322	71.047.684.960
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	34	120.640.489.300	41.398.951.700
- Tiền gửi của tổ chức phát hành	35	198.106.350	46.407.500
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng	40	197.451.575.754	255.791.697.972
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:	41	197.451.575.754	255.791.697.972
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42	155.184.989.304	134.953.102.322
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	43	42.266.586.450	120.640.489.300
- Tiền gửi của tổ chức phát hành	45	-	198.106.350

Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Hương Ly

Nguyễn Quỳnh Mai

TRUNG ƯƠNG

Dương Kỳ Hiệp

BÁO CÁO BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B04 - CTCK

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	<u>Số dư đầu năm</u>		<u>Số tăng/giảm</u>				<u>Số dư cuối năm</u>	
	Tại 01/01/2021	Tại 01/01/2022	<u>Năm 2021</u>		<u>Năm 2022</u>		Tại 31/12/2021	Tại 31/12/2022
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
I. Biến động vốn chủ sở hữu								
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	150.000.000.000	300.000.000.000	150.000.000.000	-	-	-	300.000.000.000	300.000.000.000
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	150.000.000.000	300.000.000.000	150.000.000.000	-	-	-	300.000.000.000	300.000.000.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	492.113.576	850.028.064	357.914.488	-	1.251.847.994	-	850.028.064	2.101.876.058
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	514.057.278	871.971.766	357.914.488	-	1.251.847.994	-	871.971.766	2.123.819.760
4. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	5.117.661.540	5.117.661.540	-	-	-	-	5.117.661.540	5.117.661.540
5. Lợi nhuận chưa phân phối	8.107.670.259	32.428.801.167	25.036.959.884	715.828.976	32.465.222.481	2.503.695.988	32.428.801.167	62.390.327.660
5.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	9.814.355.396	32.432.027.303	23.333.500.883	715.828.976	32.462.570.586	2.503.695.988	32.432.027.303	62.390.901.901
5.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	(1.706.685.137)	(3.226.136)	1.703.459.001	-	2.651.895	-	(3.226.136)	(574.241)
Tổng cộng	164.231.502.653	339.268.462.537	175.752.788.860	715.828.976	34.968.918.469	2.503.695.988	339.268.462.537	371.733.685.018

Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2023

Người lập



Nguyễn Thị Hương Ly

Kế toán trưởng



Nguyễn Quỳnh Mai

Tổng Giám đốc



Đương Kỳ Hiệp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 118/UBCK-GP ngày 15/09/2014 và Giấy phép điều chỉnh số 31/GPĐC-UBCK ngày 04/04/2022 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Địa chỉ liên hệ của Công ty:

Trụ sở chính: Tầng 3 - Số 59 Quang Trung - Phường Nguyễn Du - Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Văn phòng tại Thành phố Hồ Chí Minh: Tầng 2 - Số 194 Nguyễn Công Trứ - Phường Nguyễn Thái Bình - Quận 1 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều lệ của Công ty: Được ban hành ngày 15/09/2014 và sửa đổi lần 4 ngày 15/04/2022.

Số lượng lao động: Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2022 là 73 người (tại ngày 31/12/2021 là: 51 người).

Đặc điểm hoạt động chính

Công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, bao gồm: Tư vấn đầu tư, môi giới chứng khoán, giao dịch ký quỹ, tự doanh chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Hạn chế đầu tư của Công ty chứng khoán: được thực hiện theo quy định tại Điều 44 Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30/11/2012 và Điều 14 Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư.

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán

Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp, Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán phản ánh số tiền của Công ty mở tại Ngân hàng chỉ định để sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD).

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ bao gồm các tài sản tài chính được nắm giữ cho mục đích kinh doanh, hoặc các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL được trình bày theo giá gốc và được phản ánh theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty. Chênh lệch do đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí từ tài sản FVTPL trên Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo. Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực. Khi có bất kỳ bằng chứng nào về sự suy giảm giá trị của các khoản cho vay, Công ty sẽ ghi nhận khoản dự phòng về suy giảm giá trị khoản cho vay vào Báo cáo kết quả hoạt động.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là: Các khoản cho vay và các khoản phải thu, Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Đánh giá lại các khoản đầu tư theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý

Giá trị thị trường/giá trị hợp lý của tài sản tài chính được xác định như sau:

- Giá trị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCom) thì giá thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tài chính gần nhất.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCom) thì giá chứng khoán thực tế là mức giá giao dịch thực tế trên thị trường phi tập trung (OTC) tại thời điểm gần nhất nhưng không quá một tháng tính đến thời điểm đánh giá giá trị chứng khoán. Trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên thì không thực hiện đánh giá lại.

Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp

Phân ánh dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, tài sản tài chính sẵn sàng để bán và dự phòng giảm giá tài sản nhận thế chấp.

Khi có bất kỳ bằng chứng khách quan nào cho thấy sự giảm giá trị của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, tài sản tài chính sẵn sàng để bán, Công ty phải xác định giá trị của bất kỳ khoản lỗ do suy giảm giá trị của nhóm tài sản tài chính này và ghi nhận dự phòng suy giảm giá trị của các tài sản tài chính.

Mức lập dự phòng giảm giá tài sản nhận thế chấp được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị tài sản thuần tính theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý và giá trị khoản cho vay tính theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý theo thỏa thuận hoặc cam kết tại Hợp đồng vay có tài sản thế chấp đã ghi nhận trên sổ kế toán tại ngày trích lập dự phòng.

Các khoản phải thu và Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu

Các khoản phải thu phản ánh tổng giá trị các khoản phải thu về bán tài sản tài chính, phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng phải thu, từng nội dung phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản trị của Công ty. Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu được trích lập phù hợp với quy định Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán và các quy định hiện hành về trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Tài sản cố định và khấu hao

Tài sản cố định được ghi nhận theo mô hình giá gốc trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	Năm
Máy móc thiết bị	03 - 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 08
Phần mềm máy tính	03 - 08

Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, từng hợp đồng vay, giấy nhận nợ, theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Nợ phải trả

Nợ phải trả bao gồm: phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản phải trả về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), phải trả đại lý phát hành chứng khoán.

Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả các tổ chức về mua các tài sản tài chính chưa niêm yết không qua các Sở Giao dịch chứng khoán; theo dõi thanh toán tại ngày T+0 của mua, bán tài sản tài chính qua các Sở Giao dịch chứng khoán và các khoản nợ phải trả cho nhà cung cấp vật tư, hàng hóa, dịch vụ theo hợp đồng kinh tế đã ký kết.

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về chi phí hoạt động của Công ty cho mục đích xác định đầy đủ chi phí hoạt động của kỳ kế toán do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, bao gồm: lãi tiền vay; chi phí giao dịch mua, bán các tài sản tài chính và chi phí hoạt động khác.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Doanh thu hoạt động

Doanh thu, thu nhập được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản được quyền nhận không phân biệt đã thu tiền hay chưa thu được tiền.

Lãi/lỗ từ bán các tài sản tài chính

Được xác định trên cơ sở khoản chênh lệch giữa giá bán và giá vốn các tài sản tài chính.

Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính được ghi nhận khi Công ty có quyền được quyền nhận cổ tức từ quyền sở hữu cổ phiếu đã được xác lập đối với các cổ phiếu trong danh mục tài sản tài chính của Công ty hình thành trước ngày không hưởng quyền và có Thông báo chia cổ tức của Tổ chức phát hành đã được xác lập. Cổ tức không được ghi nhận đối với các cổ phiếu giao dịch sau ngày không hưởng quyền. Đối với cổ phiếu thưởng chỉ ghi tăng số lượng cổ phiếu được hưởng mà không ghi tăng thu nhập.

Tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính của Công ty được ghi nhận trên cơ sở lãi dồn tích tính theo thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ kế toán.

Doanh thu dịch vụ cung cấp cho khách hàng

Doanh thu dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện ghi nhận doanh thu dịch vụ quy định tại Chuẩn mực Doanh thu.

Doanh thu đã thực hiện được xác định trên cơ sở doanh thu thuần: Doanh thu ban đầu đã giảm trừ các khoản giảm trừ doanh thu (Nếu có) phát sinh trong kỳ kế toán.

Doanh thu dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng được xác nhận là hoàn thành trên cơ sở đã được khách hàng thanh toán ngay bằng tiền hay chấp nhận thanh toán hoặc cam kết sẽ thanh toán (Ghi trên hợp đồng kinh tế hoặc các chứng từ liên quan khác) hoặc được khấu trừ vào tiền thu bán chứng khoán của khách hàng.

Doanh thu dịch vụ cung cấp cho khách hàng thực hiện trên các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán mà Công ty được cấp phép hoạt động.

Doanh thu dịch vụ cung cấp cho khách hàng bao gồm:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán;
- Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán;
- Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính;
- Và thu nhập từ một số hoạt động khác.

Chi phí hoạt động

Chi phí hoạt động phản ánh các khoản lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh và chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ.

Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh phản ánh các khoản lỗ do bán các tài sản tài chính FVTPL, chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL, chênh lệch giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL và các khoản lỗ, tổn thất về các tài sản tài chính thuộc Danh mục đầu tư tài sản tài chính, gồm: FVTPL, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay, tài sản sẵn sàng để bán và chi phí hoạt động tự doanh.

Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ phản ánh các chi phí có liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ của Công ty, bao gồm:

- Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán;
- Chi phí nghiệp vụ tư vấn chứng khoán;
- Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán;
- Chi phí các dịch vụ tài chính khác;
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi và xử lý tổn thất phải thu khó đòi về cung cấp dịch vụ chứng khoán.
- Chi phí các dịch vụ khác.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác.

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phản quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 31.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	259.746	259.746
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	49.810.403.025	4.452.769.464
Cộng	49.810.662.771	4.453.029.210

6. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm
	Cổ phiếu	VND
Của Công ty Chứng khoán		
- Cổ phiếu	3.898.806	70.797.800.290
- Trái phiếu	82.474.020	8.489.311.087.336
Của nhà đầu tư	952.362.417	19.470.153.765.410
- Cổ phiếu	1.040.000	104.000.000.000
- Trái phiếu	8.066.300	4.657.050.000
- Chứng khoán khác		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo.

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

7.1. Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết	5.014.619	26.564.420	4.405.612.902	4.869.733.850
TNB	-	-	3.293.628.000	3.572.640.000
HMS	-	-	1.091.700.000	1.236.808.000
Khác	5.014.619	26.564.420	20.284.902	60.285.850
Cổ phiếu chưa niêm yết	4.621.160.728	4.621.160.728	4.621.160.728	4.621.160.728
Công ty cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông	119.150.000	119.150.000	119.150.000	119.150.000
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng và Vật liệu xây dựng	4.500.000.000	4.500.000.000	4.500.000.000	4.500.000.000
Khác	2.010.728	2.010.728	2.010.728	2.010.728
Trái phiếu	188.677.350.000	188.677.350.000	81.762.100.000	81.762.100.000
DBC	600.000	600.000	600.000	600.000
Công ty Cổ phần Phong Điện IA Pết Đak Đoa số Hai	-	-	51.761.500.000	51.761.500.000
Công ty Cổ phần Tandoland	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị An Phú	52.991.500.000	52.991.500.000	-	-
Công ty Cổ phần Toàn Hải Văn	52.250.000.000	52.250.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Hải Phát	46.235.250.000	46.235.250.000	-	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Hướng Việt	7.000.000.000	7.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Land	200.000.000	200.000.000	-	-
Cộng	193.303.525.347	193.325.075.148	90.788.873.630	91.252.994.578

7.2. Các khoản phải thu và cho vay

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cho vay margin	115.901.563.691	114.667.261.059	197.541.275.961	196.306.973.329
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán	3.285.967.070	3.285.967.070	40.447.476.976	40.447.476.976
Cho vay tài sản tài chính khác	2.041.759.349	96.003.929	2.042.201.742	204.446.322
Cộng	121.229.290.110	118.049.232.058	240.030.954.679	236.958.896.627



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7.3. Về tình hình biến động các khoản đầu tư theo nhóm do đánh giá lại theo giá thị trường hoặc theo giá trị ghi sổ (Đối với các khoản đầu tư không có giá trị thị trường) cuối năm

STT	Loại TSTC	Cơ sở lập dự phòng năm nay			Giá trị lập dự phòng năm trước	Mức trích lập hoặc hoàn nhập năm nay
		Số lượng	Giá sổ sách kế toán	Giá thị trường tại thời điểm lập BCTC	Giá trị lập dự phòng năm nay	
			VND	VND	VND	VND
I	FVTPL	2.415.171	193.303.525.347	193.325.075.148	574.241	3.226.136
	Cổ phiếu niêm yết					(2.651.895)
	Khác	1.318	5.014.619	26.564.420	574.241	3.226.136
	Cổ phiếu chưa niêm yết				-	-
	Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông	119.150	119.150.000	119.150.000	-	-
	Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng và Vật liệu xây dựng	150.000	4.500.000.000	4.500.000.000	-	-
	Khác	197	2.010.728	2.010.728	-	-
	Trái phiếu	2.144.506	188.677.350.000	188.677.350.000	-	-
	DBC	6	600.000	600.000	-	-
	Công ty Cổ Phần Tandoland	300.000	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-
	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Ân Phú	500.000	52.991.500.000	52.991.500.000	-	-
	Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân	522.500	52.250.000.000	52.250.000.000	-	-
	Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Hải Phát	450.000	46.235.250.000	46.235.250.000	-	-
	Công ty Cổ phần Bất động sản Hướng Việt	70.000	7.000.000.000	7.000.000.000	-	-
	Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Land	2.000	200.000.000	200.000.000	-	-
II	TSTC cho vay		121.229.290.110	118.049.232.058	3.180.058.052	3.072.058.052
	Cộng		314.532.815.457	311.374.307.206	3.180.632.293	3.075.284.188
						105.348.105

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC KHOẢN PHẢI THU

Loại phải thu khó đòi	Thời gian quá hạn	Giá trị phải thu khó đòi tại 31/12/2022	Số dự phòng đầu năm	Số trích lập trong năm	Số hoàn nhập trong năm	Số dự phòng cuối năm
		VND	VND	VND	VND	VND
Phải thu khác						
Bà Kiều Hồng Hỷ	1 - 2 năm	3.661.466.000	1.098.439.800	732.293.200	-	1.830.733.000
Bà Phan Thị Giang	1 - 2 năm	4.320.033.000	1.296.009.900	864.006.600	-	2.160.016.500
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp						
Các đối tượng khác	> 3 năm	86.168.423	80.192.027	5.976.396		86.168.423
Cộng		8.067.667.423	2.474.641.727	1.602.276.196	-	4.076.917.923

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN NHẬN THẾ CHẤP

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Các tài sản tài chính FVTPL	574.241	3.226.136
- Cổ phiếu	574.241	3.226.136
Các khoản cho vay	3.180.058.052	3.072.058.052
Cộng	3.180.632.293	3.075.284.188

10. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phải thu bán các tài sản tài chính	31.320.660.340	30.832.143.080
- Tổng công ty Cổ phần Khoan và dịch vụ Dầu khí (PVD) (*)	23.339.161.340	22.850.644.080
- Bà Phan Thị Giang	4.320.033.000	4.320.033.000
- Bà Kiều Hồng Hỷ	3.661.466.000	3.661.466.000
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	3.293.605.338	764.076.107
- Dự thu lãi cho vay Margin	3.261.057.393	764.076.107
- Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	32.547.945	-
Cộng	34.614.265.678	31.596.219.187

(*) Khoản phải thu theo hợp đồng chuyển nhượng quyền góp vốn của Công ty ngày 30/12/2008 và Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 25/04/2011 về việc chuyển nhượng quyền góp vốn dự án tòa nhà Sailing Tower 51 Nguyễn Thị Minh Khai, quận 1, TP Hồ Chí Minh do Tổng Công ty xây dựng số 1 - CC1 là chủ đầu tư. Theo đó, PVD - bên mua, đồng ý nhận chuyển nhượng quyền góp vốn của VIS vào Dự án trên. Khi đó PVD sẽ được hưởng toàn bộ quyền và lợi ích của VIS theo hợp đồng hợp tác kinh doanh 2006 giữa VIS và Tổng công ty Xây dựng số 1 (CC1). Đến thời điểm 31/12/2022, PVD còn phải thanh toán cho VIS số tiền là 996.974 USD (tương đương 23.339.161.340 đồng), đồng thời VIS còn phải trả cho CC1 số tiền 16.418.319.982 đồng (xem Thuyết minh số 16). Các bên đã cam kết sau khi tòa nhà Sailing Tower được hoàn công và CC1 hoàn tất các thủ tục pháp lý cần thiết để có đủ cơ sở chuyển nhượng quyền sở hữu diện tích tầng 4 tòa nhà Sailing Tower cho PVD thì VIS sẽ chuyển trả số tiền 16.418.319.982 đồng cho CC1, đồng thời VIS yêu cầu PVD thanh toán số tiền 996.974 USD cho VIS.

Theo biên bản làm việc ngày 11/09/2019 giữa Công ty và PVD, Công ty vẫn liên lạc và làm việc với CC1 để yêu cầu CC1 tích cực làm việc với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để hoàn tất các giấy tờ, thủ tục nêu trên. Tuy nhiên, do có phát sinh một số vướng mắc về mặt thủ tục và giấy tờ nên các thủ tục pháp lý vẫn chưa được hoàn tất dẫn đến việc Công ty và CC1 chưa thực hiện được cam kết trong hợp đồng đúng hạn. Do đó, PVD vẫn ghi nhận và tiếp tục sử dụng diện tích tòa nhà được bàn giao theo Hợp đồng, đồng thời đề nghị Công ty tiếp tục thực hiện các giải pháp cần thiết để PVD được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu diện tích Tòa nhà tương ứng theo quy định.

CC1 gửi công văn số 414/TCT-ĐT ngày 15/03/2021 về việc hoàn thành nghĩa vụ thanh toán Hợp đồng hợp tác kinh doanh đầu tư và chuyển giao một phần diện tích tòa nhà Sailing Tower năm 2006 giữa CC1 và VIS. Theo công văn nêu trên, CC1 sẽ ký kết hợp đồng cho thuê văn phòng đến hết vòng đời dự án với PVD đối với phần diện tích đã ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh sau khi VIS hoàn tất thanh toán công nợ với CC1, theo đó, PVD sẽ được toàn quyền sử dụng, chuyển nhượng, cho thuê lại ... đối với phần diện tích nêu trên mà không lệ thuộc vào việc cấp Giấy chứng nhận. VIS và PVD đã có văn bản gửi CC1 yêu cầu CC1 xác minh lại số dư công nợ và hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan theo đúng cam kết và trách nhiệm của các bên.

Đến thời điểm hiện tại VIS đang tiếp tục làm việc với PVD và CC1 để giải quyết vấn đề nêu trên. Ban Tổng Giám đốc đánh giá không có bất kỳ khoản tổn thất nào liên quan đến khoản phải thu từ PVD cần dự phòng phản ánh trên báo cáo tài chính năm 2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	662.945.134	646.219.693
Tiền thuê văn phòng	84.395.790	72.133.463
Chi phí bảo trì phần mềm	389.537.500	383.500.000
Các khoản khác	189.011.844	190.586.230
Dài hạn	1.687.020.360	970.849.705
Công cụ dụng cụ	792.593.779	539.529.194
Các khoản khác	894.426.581	431.320.511
Cộng	2.349.965.494	1.617.069.398

12. CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN

Là khoản tiền 50.700.000.000 đồng đã chuyển cho Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng khu công nghiệp Tây Ninh theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01112016/HĐHTĐT ngày 01/11/2016 và các phụ lục hợp đồng về việc đầu tư dự án Cao ốc văn phòng làm việc tại địa chỉ số 120 Hai Bà Trưng, phường Đakao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó, Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam thỏa thuận tham gia góp 13,45% tổng vốn đầu tư của dự án tương ứng với số tiền là 50,7 tỷ đồng, khi dự án hoàn thành Công ty sẽ được chuyển nhượng 13,45% diện tích của dự án để làm trụ sở mà không phải thanh toán bất kỳ một khoản tiền thuê nào khác. Thời hạn của dự án là 48 tháng kể từ ngày khởi công (đến năm 2021) và đã được các bên ký thỏa thuận gia hạn đến tháng 11/2024. Ban Tổng Giám đốc đánh giá không có bất kỳ khoản tổn thất tài chính nào liên quan đến khoản hợp tác đầu tư nói trên cần trích lập dự phòng phản ánh trên báo cáo tài chính năm 2022.

13. TÌNH HÌNH TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
NGUYỄN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2022	27.341.772.566	1.735.659.980	29.077.432.546
Mua trong năm	484.903.000	-	484.903.000
Thanh lý, nhượng bán	(11.496.419.664)	(1.735.659.980)	(13.232.079.644)
Tại ngày 31/12/2022	16.330.255.902	-	16.330.255.902
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2022	24.306.140.618	1.735.659.980	26.041.800.598
Khấu hao trong năm	618.924.704	-	618.924.704
Thanh lý, nhượng bán	(11.496.419.664)	(1.735.659.980)	(13.232.079.644)
Tại ngày 31/12/2022	13.428.645.658	-	13.428.645.658
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2021	3.035.631.948	-	3.035.631.948
Tại ngày 31/12/2022	2.901.610.244	-	2.901.610.244
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao đang sử dụng	11.895.562.015	-	11.895.562.015
Nguyên giá TSCĐ không sử dụng	70.057.350	-	70.057.350

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. TÌNH HÌNH TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2022	15.704.892.732	15.704.892.732
Mua trong năm	450.000.000	450.000.000
Thanh lý, nhượng bán	(1.305.177.742)	(1.305.177.742)
Tại ngày 31/12/2022	14.849.714.990	14.849.714.990
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2022	14.087.845.887	14.087.845.887
Khấu hao trong năm	376.954.884	376.954.884
Thanh lý, nhượng bán	(1.305.177.742)	(1.305.177.742)
Tại ngày 31/12/2022	13.159.623.029	13.159.623.029
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2022	1.617.046.845	1.617.046.845
Tại ngày 31/12/2022	1.690.091.961	1.690.091.961
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao đang sử dụng	10.913.203.140	10.913.203.140

15. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	5.835.324.264	3.576.796.472
Tiền lãi đã phân bổ	687.500.787	447.240.163
Số dư cuối kỳ	6.642.825.051	4.144.036.635

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Tổng công ty Xây dựng số 1 (*)	16.418.319.982	16.418.319.982
Công ty Cổ phần Năng Lượng Tái Tạo HVE	-	6.043.020.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Hướng Việt (bên liên quan)	-	1.200.000.000
Phải trả nhà cung cấp khác	22.648.252	32.168.709
Cộng	16.440.968.234	23.693.508.691

(*) Khoản phải trả Tổng công ty Xây dựng số 1 (CC1) về việc hợp tác đầu tư và chuyển giao một phần diện tích tòa nhà Sailing Tower theo hợp đồng hợp tác kinh doanh năm 2006 (xem Thuyết minh số 10).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. VAY NGẮN HẠN

	01/01/2022	Vay trong năm	Trả trong năm	31/12/2022
	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Thăng Long (*)	50.000.000.000	440.000.000.000	435.000.000.000	55.000.000.000
Cộng	50.000.000.000	440.000.000.000	435.000.000.000	55.000.000.000

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Phương Đông ("OCB")- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 0079/2022/HĐTD-OCB-DN ngày 16/03/2022. Hạn mức cho vay tối đa 200 tỷ đồng với thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích của khoản vay để bổ sung/bù đắp vốn lưu động kinh doanh tự doanh chứng khoán (trừ kinh doanh trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết), môi giới chứng khoán và các hoạt động khác liên quan đến chứng khoán phù hợp quy định pháp luật. Thời hạn và lãi suất của khoản vay được xác định theo từng kế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo của khoản vay là 25.308.977 cổ phiếu Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư Hướng Việt.

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2022
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	48.714.486	455.809.532	418.250.704	86.273.314
Thuế thu nhập doanh nghiệp	668.360.400	7.920.928.563	7.259.966.857	1.329.322.106
Thuế thu nhập cá nhân	5.869.940.961	40.340.811.850	41.934.514.607	4.276.238.204
Các loại thuế khác	-	4.300.000	4.300.000	-
Cộng	6.587.015.847	48.721.849.945	49.617.032.168	5.691.833.624

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay	81.369.863	94.931.507
Chi phí phải trả Sở giao dịch chứng khoán	309.549.236	1.049.614.750
Chi phí tư vấn phải trả	2.658.589.529	-
Các khoản khác	298.337.922	922.313.925
Cộng	3.347.846.550	2.066.860.182

20. PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Bà Phạm Thị Lan Hương	1.550.000.000	1.550.000.000
Phí môi giới cộng tác viên	461.485.922	2.355.343.318
Các khoản khác	2.917.462.254	3.278.701.157
Cộng	4.928.948.176	7.184.044.475

21. PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ VỀ DỊCH VỤ CHO CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phải trả phí môi giới chứng khoán	41.116.532	203.640.365
Phải trả phí lưu ký chứng khoán	290.582.468	230.286.306
Các khoản phải trả khác	1.195.972.692	774.093.622
Cộng	1.527.671.692	1.208.020.293

22. PHẢI TRẢ VAY CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phải trả gốc margin	115.901.563.691	197.541.275.961
Phải trả lãi margin	-	-
Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	3.285.967.070	40.447.476.976
- Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	3.285.967.070	40.447.476.976
- Phải trả lãi nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	-	-
Phải trả các khoản khác	2.041.759.349	2.042.201.742
Cộng	121.229.290.110	240.030.954.679



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Mẫu số B09 - CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tình hình biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2021	150.000.000.000	492.113.576	514.057.278	5.117.661.540	8.107.670.259	164.231.502.653
Tăng vốn trong năm	150.000.000.000	-	-	-	-	150.000.000.000
Lãi trong năm	-	-	-	-	25.036.959.884	25.036.959.884
Phân phối lợi nhuận	-	357.914.488	357.914.488	-	(715.828.976)	-
Tại ngày 01/01/2022	300.000.000.000	850.028.064	871.971.766	5.117.661.540	32.428.801.167	339.268.462.537
Lãi trong năm	-	-	-	-	32.465.222.481	32.465.222.481
Phân phối lợi nhuận (*)	-	1.251.847.994	1.251.847.994	-	(2.503.695.988)	-
Tại ngày 31/12/2022	300.000.000.000	2.101.876.058	2.123.819.760	5.117.661.540	62.390.327.660	371.733.685.018

(*) Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/04/2022, chi tiết như sau:
Trích quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ 1.251.847.994 đồng, quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ 1.251.847.994 đồng.

Chi tiết vốn chủ sở hữu:

	Tại ngày 31/12/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Hướng Việt	254.448.150.000	84,82%	253.089.770.000	84,36%
Các cổ đông khác	45.551.850.000	15,18%	46.910.230.000	15,64%
Cộng	300.000.000.000	100%	300.000.000.000	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. THUYẾT MINH MỘT SỐ CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

24.1. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	13.180.000	1.634.740.000
Cộng	13.180.000	1.634.740.000

24.2. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Cổ phiếu	2.692.090.000	2.692.090.000
Trái phiếu	184.450.600.000	80.000.600.000
Cộng	187.142.690.000	82.692.690.000

24.3. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	1.906.862.100.000	1.657.433.020.000
Tài sản TC giao dịch hạn chế chuyển nhượng	51.810.650.000	15.899.510.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	1.806.895.720.000	1.922.945.710.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	40.000	35.970.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	22.038.730.000	55.663.660.000
Cộng	3.787.607.240.000	3.651.977.870.000

24.4. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

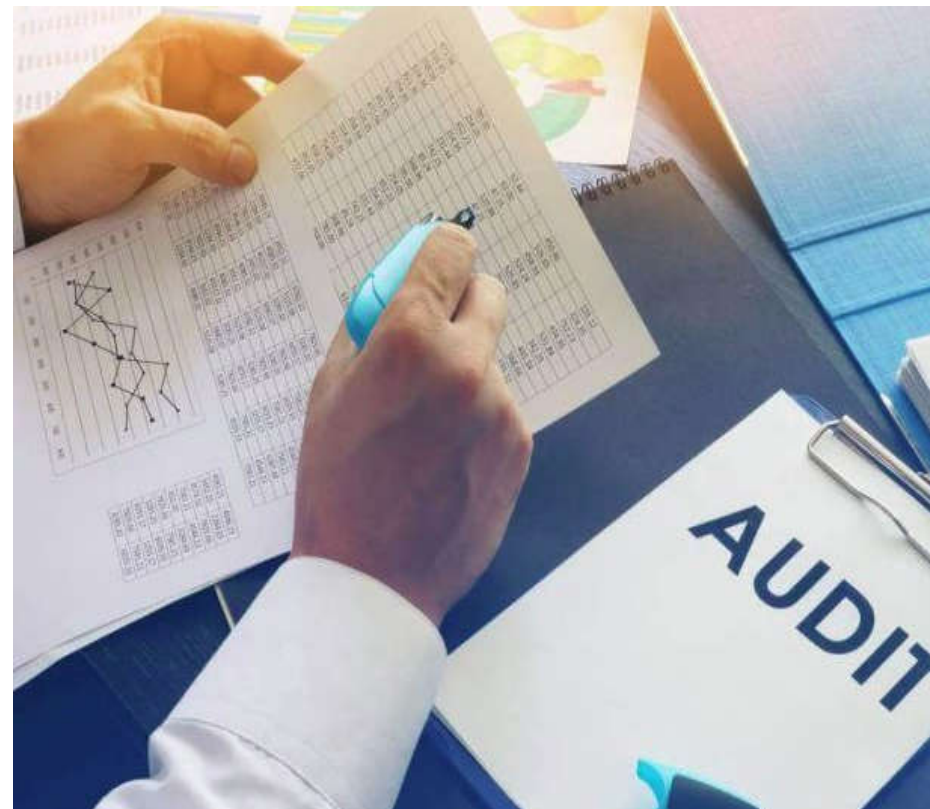
	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	11.160.980.000	11.268.810.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	7.100.000.000	7.100.000.000
Cộng	18.260.980.000	18.368.810.000

24.5. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	155.184.989.304	134.953.102.322
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	42.266.586.450	120.640.489.300
Cộng	197.451.575.754	255.593.591.622

24.6. PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		
- Của Nhà đầu tư trong nước	195.438.326.689	253.442.839.818
- Của Nhà đầu tư nước ngoài	2.013.249.065	2.150.751.804
Cộng	197.451.575.754	255.593.591.622



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. LÃI/LỖ BÁN CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH FVTPL

	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi/lỗ bán chứng khoán năm nay	Lãi/lỗ bán chứng khoán năm trước
			VND	VND	VND	VND
Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL			4.120.260.025.883	4.084.337.941.346	35.922.084.537	1.758.500.000
1. Cổ phiếu niêm yết	1.590.648		32.326.249.380	30.952.619.849	1.373.629.531	-
- OCB	1.428.800	19.237	27.485.965.000	26.564.216.749	921.748.251	-
- Các cổ phiếu khác	161.848		4.840.284.380	4.388.403.100	451.881.280	-
2. Cổ phiếu chưa niêm yết	-		-	-	-	-
3. Trái phiếu chưa niêm yết			4.087.933.776.503	4.053.385.321.497	34.548.455.006	1.758.500.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Golf Long Thành	4.397.560	103.064	453.230.842.937	449.007.188.018	4.223.654.919	839.500.000
- Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đô thị DAKLAK	6.863.000	104.402	716.510.483.659	710.008.221.653	6.502.262.006	384.450.000
- Công ty Cổ phần đầu tư và Phát triển Bình Định	-	-	-	-	-	200.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Sơn Kim	8.299.000	102.995	854.758.910.871	846.154.756.089	8.604.154.782	200.000.000
- Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân	3.487.000	102.447	357.234.210.865	353.110.669.101	4.123.541.764	-
- Công ty Cổ Phần Tandoland	950.000	102.769	97.630.117.802	95.702.650.000	1.927.467.802	-
- Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Land	1.698.000	102.220	173.570.294.843	171.214.040.200	2.356.254.643	-
- Công ty Cổ phần Tập Đoàn Trường Thịnh	5.419.500	103.472	560.766.817.116	557.153.567.614	3.613.249.502	134.550.000
- Công ty Cổ phần Tập Đoàn FLC	3.404.700	102.853	350.183.461.963	348.589.981.566	1.593.480.397	-
- Các trái phiếu khác	5.100.000	102.755	524.048.636.447	522.444.247.256	1.604.389.191	-
Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL			118.390.626.554	121.278.593.263	(2.887.966.709)	-
1. Cổ phiếu niêm yết	410.958		5.487.726.910	5.876.738.434	(389.011.524)	-
2. Cổ phiếu chưa niêm yết	-		-	-	-	-
3. Trái phiếu chưa niêm yết			112.902.899.644	115.401.854.829	(2.498.955.185)	-
- Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đô thị DAKLAK	696.700	101.870	70.972.733.562	73.209.508.898	(2.236.775.336)	-
- Các trái phiếu khác	399.300	105.009	41.930.166.082	42.192.345.931	(262.179.849)	-
Cộng			4.238.650.652.437	4.205.616.534.609	33.034.117.828	1.758.500.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. CHÊNH LỆCH GIẢM ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH FVTPL

Danh mục các loại tài sản tài chính FVTPL	31/12/2022	Giá thị trường hoặc Giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá lại năm nay	Chênh lệch đánh giá lại năm trước	Chênh lệch điều chỉnh sổ kế toán năm nay
	VND	VND	VND	VND	VND
Loại FVTPL	193.303.525.347	193.325.075.148	574.241	3.226.136	(2.651.895)
Cổ phiếu niêm yết	5.014.619	26.564.420	574.241	3.226.136	(2.651.895)
Cổ phiếu chưa niêm yết	4.621.160.728	4.621.160.728	-	-	-
Trái phiếu	188.677.350.000	188.677.350.000	-	-	-
Loại các khoản cho vay và phải thu	121.229.290.110	118.049.232.058	3.180.058.052	3.072.058.052	108.000.000
Cộng	314.532.815.457	311.374.307.206	3.180.632.293	3.075.284.188	105.348.105

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CHỨNG KHOÁN

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí hoạt động tự doanh	26.880.000	-
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	18.008.139.659	27.449.151.855
- Chi phí tiền lương	2.946.595.909	1.915.608.924
- Các khoản trích theo lương	322.665.228	234.161.953
- Phí hoa hồng, môi giới	8.869.311.848	16.950.207.933
- Phí giao dịch chứng khoán môi giới	5.079.873.211	7.345.925.267
- Chi phí khác	789.693.463	1.003.247.778
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	1.413.735.800	1.379.174.828
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	16.259.872.699	8.203.998.354
Chi phí các dịch vụ khác	3.379.196.478	2.599.886.036
Cộng	39.087.824.636	39.632.211.073

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản khác	7.220.641.913	6.593.951.010
BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	561.731.712	542.421.045
Chi phí vật tư văn phòng	38.101.344	34.687.684
Chi phí công cụ, dụng cụ	376.769.099	323.353.010
Chi phí khấu hao TSCĐ	996.066.030	778.158.549
Thuế, phí và lệ phí	1.438.277.006	1.045.287.425
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.395.141.012	4.305.975.470
Chi phí khác	837.079.208	680.084.780
Cộng	16.863.807.324	14.303.918.973

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	40.386.151.044	30.496.102.092
Các khoản điều chỉnh:	(1.035.508.231)	(3.200.391.052)
Trừ:	(1.035.508.231)	(4.593.435.262)
- Thu nhập từ cổ tức	(680.700)	(176.727.825)
- Chênh lệch đã tính thuế các năm trước	(546.310.271)	(4.297.070.557)
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại công nợ phải thu kỳ này	(488.517.260)	(119.636.880)
Cộng:	-	1.393.044.210
- Chi phí không hợp lý, hợp lệ	-	979.300.000
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại công nợ phải thu kỳ này	-	413.744.210
Thu nhập chịu thuế	39.350.642.813	27.295.711.040
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN hiện hành	7.870.128.563	5.459.142.208
Thuế TNDN bổ sung các năm trước	50.800.000	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	7.920.928.563	5.459.142.208

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	32.465.222.481	25.036.959.884
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	32.465.222.481	25.036.959.884
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	30.000.000	17.642.133
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.082	1.419

Tại thời điểm 31/12/2022, Công ty chưa phân phối lợi nhuận năm 2022, theo đó lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2022 có thể được điều chỉnh, phụ thuộc vào việc trích các quỹ của Công ty từ lợi nhuận sau thuế sau khi được thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên.

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có giao dịch với bên liên quan sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Hướng Việt	Công ty mẹ
Ông Dương Kỳ Hiệp	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Hoàng Minh	Phó Tổng Giám đốc

Ngoài các giao dịch và số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của Báo cáo tài chính này, trong kỳ Công ty còn có giao dịch và số dư với các bên liên quan sau:

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tạm ứng	-	-
Ông Dương Kỳ Hiệp	-	1.762.040.000
Ông Vũ Hoàng Minh	-	1.986.000.000

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Hướng Việt	-	989.589.041
Doanh thu từ Hợp đồng tìm kiếm trái phiếu	-	14.727.273
Phí lưu ký, phong tỏa tài khoản, quản lý	5.000.000	-
Hoa hồng môi giới	-	1.090.909.091
Góp vốn trong năm	-	125.465.530.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Họ và tên	Chức danh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Hội đồng quản trị		673.760.000	673.460.000
Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Chủ tịch	120.000.000	120.000.000
Ông Nguyễn Thanh Tuyền	Phó chủ tịch	48.000.000	48.000.000
Bà Nguyễn Thanh Thủy	Ủy viên	48.000.000	48.000.000
Ông Võ Quang Long	Ủy viên	48.000.000	48.000.000
Ông Cao Quế Lâm	Ủy viên	409.760.000	409.460.000
Ban Tổng giám đốc		2.830.862.945	2.473.960.000
Ông Dương Kỳ Hiệp	Tổng Giám đốc	1.056.300.000	954.888.889
Ông Vũ Hoàng Minh	Phó Tổng Giám đốc	845.460.000	699.737.778
Ông Vĩnh Bảo Quốc	Phó Tổng Giám đốc thường trực	929.102.945	819.333.333
Tổng		3.504.622.945	3.147.420.000

32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hương Ly

Nguyễn Quỳnh Mai

Dương Kỳ Hiệp

